

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CÔNG TY
CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2123 /TCTCHKVN-VPTCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2026

V/v cập nhật bổ sung Tài liệu Đại hội đồng cổ
đồng thường niên năm 2026

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP thực hiện công bố thông tin với Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP

- Mã chứng khoán: ACV

- Địa chỉ: Số 58 Trường Sơn, phường Tân Sơn Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: (84.28) 38485383 Fax: (84.28) 38445127

- Website: <https://www.vietnamairport.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP (cập nhật bổ sung).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/06/2026 tại đường dẫn: <https://www.vietnamairport.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- VP. TCTy (đăng tải lên website);
- Lưu: VT.

Q. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Văn Khiên

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

1. Thời gian: 08h00 ngày 19/06/2026.

2. Địa điểm: Hội trường Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP

Số 58 Trường Sơn, phường Tân Sơn Hòa, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian	TT	Nội dung
07h30 – 08h00	I	Đăng ký tham dự Đại hội:
	1	Đón tiếp đại biểu và cổ đông.
	2	Kiểm tra tư cách cổ đông và tổng hợp số liệu báo cáo Kiểm tra tư cách cổ đông.
08h00 – 08h30	II	Khai mạc:
	1	Chào cờ, Khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
	2	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
	3	Chủ tọa giới thiệu và thông qua Đoàn Chủ tọa.
	4	Chủ tọa chỉ định Ban Thư ký.
	5	Chủ tọa giới thiệu và thông qua Ban Kiểm phiếu.
	6	Trình bày Chương trình, Quy chế làm việc, Quy chế bầu cử tại Đại hội.
7	Báo cáo kết quả biểu quyết thông qua Đoàn Chủ tọa, Ban kiểm phiếu, Chương trình, Quy chế làm việc, Quy chế bầu cử tại Đại hội.	
08h30 – 11h00	III	Nội dung Đại hội:
	1	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
	2	Báo cáo hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026 của HĐQT.
	3	Báo cáo hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.

Thời gian	TT	Nội dung
	4	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025.
	5	Tờ trình thông qua phương án trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.
	6	Tờ trình thông qua quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2025 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên năm 2026.
	7	Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.
	8	Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.
	9	Tờ trình miễn nhiệm Thành viên HĐQT
	10	Tờ trình thông qua số lượng Thành viên HĐQT và bầu bổ sung Thành viên HĐQT
	11	Phát biểu của Lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước.
	12	Thảo luận các nội dung tại tờ trình Đại hội.
11h00 – 11h30	13	Tiến hành biểu quyết, bầu cử
	14	Đại hội giải lao.
	15	Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết, bầu cử
	16	Ra mắt TV. HĐQT trúng cử.
	17	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
11h30	IV	Bế mạc Đại hội

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2026

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

Điều 1. Mục đích:

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ thể hiện ý chí thống nhất của ĐHĐCĐ, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP và có tên theo danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 chốt ngày 26/05/2026 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cấp, và khách mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ ACV và quy định hiện hành của pháp luật.

- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- ACV : Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền (*hợp lệ*) của cổ đông (*người được ủy quyền*)
- Đại hội : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
- Bỏ phiếu điện tử : Là việc Đại biểu sử dụng các thiết bị có kết nối Internet và thực hiện việc biểu quyết/bầu cử thông qua hệ thống Bỏ phiếu điện tử do ACV quy định và thông báo cho đại biểu tại thời điểm đại biểu đăng ký tham dự Đại hội.
- Hệ thống bỏ phiếu điện tử : Là hệ thống được ACV sử dụng và cung cấp cho Đại biểu các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự ĐHĐCĐ.

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Điều lệ ACV thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ ACV thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, và trong trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Lưu ý: Tỷ lệ cổ đông dự họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tiếp và bỏ phiếu điện tử được xác định khi đại biểu có mặt trực tiếp tại địa điểm tổ chức ghi trên

thông báo mời họp và thực hiện đăng ký tham dự với ban tổ chức đại hội.

Điều 5. Điều kiện Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Tất cả cổ đông của ACV theo danh sách chốt ngày 26/5/2026 đều có quyền tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự ĐHĐCĐ, có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được uỷ quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

- Đại biểu đến tham dự Đại hội cần xuất trình bản gốc CCCD/ Thẻ căn cước/Hộ chiếu/ Định danh điện tử mức độ 2 trên ứng dụng VNeID (đối với cá nhân), Bản sao GCNĐKDN/GPHĐ (đối với tổ chức), bản gốc Giấy uỷ quyền (nếu thuộc trường hợp nhận uỷ quyền tham dự Đại hội) và tài liệu khác như được yêu cầu tại Thông báo mời họp trước khi tham dự họp.

- Đại biểu đến tham dự Đại hội cần sử dụng thiết bị phù hợp có kết nối Internet để thực hiện việc biểu quyết/bầu cử thông qua hệ thống Bỏ phiếu điện tử, bao gồm nhưng không giới hạn: máy tính cá nhân, máy xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh kết nối được Internet.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của ACV, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông ACV nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

Điều 7. Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân tại Điều 5 .v.v...theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

- Đại biểu đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.

- Tuân thủ các quy định của BTC, của Chủ tọa điều hành Đại hội.

- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có

thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

Điều 8. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập.

- Đoàn chủ tọa bao gồm 01 Chủ tọa và các Thành viên. Quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập hoặc Quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Trường hợp Quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa Đại hội theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.

- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ sẽ điều khiển để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều khiển Đại Hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại Hội thông qua.
- Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, BKS ACV trình bày các báo cáo tại Đại hội;
- Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết;
- Giới thiệu thành phần Đoàn chủ tọa để Đại hội biểu quyết (nếu có);
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;
- Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.
- Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Điều 9. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội bao gồm 01 Trưởng ban và các thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình. Ban kiểm tra tư cách đại biểu do Chủ tọa giới thiệu.

- Nhiệm vụ:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự họp.
- Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi ĐHĐCĐ chính thức tiến hành.
- Phối hợp với Ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết.

Điều 10. Ban Thư ký:

- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký Đại hội

- Ban Thư ký của Đại hội chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa. Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định.

- Nhiệm vụ:

- Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
- Ghi chép Biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 11. Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu bao gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên.

- Đại hội đồng cổ đông bầu/Thông qua một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban Kiểm phiếu.

- Nhiệm vụ:

- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội.

- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 12. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ, nội dung không bị vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp;

- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;

- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định như sau:

- Đại biểu tham dự họp ĐHĐCĐ gửi câu hỏi thảo luận thông qua cửa sổ Hỗ trợ trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử hoặc phát biểu trực tiếp tại Đại hội hoặc viết câu hỏi vào giấy để Ban tổ chức chuyển đến Chủ tọa.
- Trường hợp Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.
- Ban Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được ACV trả lời bằng các hình thức khác thích hợp.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được ACV trả lời sau bằng các hình thức khác.

Điều 13. Biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

- Đại biểu thực hiện đăng ký tham dự tại địa điểm họp được ghi trong Thông báo mời họp đã gửi đến tất cả các cổ đông có tên trong danh sách chốt cổ đông ngày 26/05/2026. Sau khi thực hiện đăng ký tham dự với ban tổ chức đại

hội, đại biểu được cấp tài khoản và mật khẩu để tiến hành đăng nhập, thực hiện biểu quyết tất cả các nội dung được đưa ra biểu quyết tại Đại hội theo hình thức bỏ phiếu điện tử tại đường link: www.ezgsfpts.com.vn. Đại biểu tự chuẩn bị thiết bị điện tử kết nối internet phù hợp như quy định tại Điều 5 để thực hiện biểu quyết/bầu cử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.

- Nếu đại biểu gặp khó khăn trong quá trình đăng nhập và biểu quyết/ bầu cử, BTC đại hội sẽ cung cấp, hỗ trợ về mặt kỹ thuật và hướng dẫn đại biểu thực hiện. Đại biểu kiểm tra kỹ thông tin và chịu trách nhiệm đối với ý kiến biểu quyết của mình.

2. Bỏ phiếu điện tử:

- Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Cách thức bỏ phiếu bầu cử (quy định cụ thể tại Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử)

- Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết vấn đề đó.
- Trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết vấn đề phát sinh đó.
- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết/bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết/bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết/bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của Đại hội.

- Thời gian bỏ phiếu điện tử cho các vấn đề cần được biểu quyết tại Đại hội (gồm: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế bầu cử tại Đại hội; thông qua Đoàn Chủ tọa, Ban kiểm phiếu; Báo cáo và các Tờ trình; Biên bản và Nghị quyết đại hội): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ lúc hoàn tất thủ tục đăng ký dự họp đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu điện tử cho các nội dung biểu quyết.

Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu

điện tử từ Đại biểu.

3. Thể lệ biểu quyết:

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 26/5/2026) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của ACV là: 3.582.324.023 cổ phần tương đương với 3.582.324.023 quyền biểu quyết.

- Điều kiện thông qua các nội dung tại Đại hội căn cứ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Lưu ý:

- Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản ACV ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
- Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản ACV ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4. Ghi nhận kết quả biểu quyết/ bầu cử

Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ tổng hợp phiếu biểu quyết/bầu cử đối với các Đại biểu tham dự bằng hình thức trực tiếp và thực hiện Biểu quyết/bầu cử bằng phương thức bỏ phiếu điện tử.

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội, kết quả bầu cử tại Đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa/ Trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 14. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

Điều 15. Thi hành Quy chế

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của ACV và các quy định pháp luật có liên quan.

- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyên điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ ACV, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế này có hiệu lực thi hành ngay khi Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP biểu quyết thông qua.

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ ACV và Luật Doanh nghiệp.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
QUYỀN CHỦ TỊCH HĐQT**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2026

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ BỔ SUNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY
CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP**

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*

- *Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*

- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*

- *Điều lệ Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP;*

- *Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.*

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP như sau:

Điều 1. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- ACV : Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền (*hợp lệ*) của cổ đông (*người được ủy quyền*)
- Đại hội : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
- Bỏ phiếu điện tử : Là việc Đại biểu sử dụng các thiết bị có kết nối Internet và thực hiện việc biểu quyết/bầu cử thông

qua hệ thống Bỏ phiếu điện tử do ACV quy định và thông báo cho đại biểu tại thời điểm đại biểu đăng ký tham dự Đại hội.

- Hệ thống bỏ phiếu điện tử : Là hệ thống được ACV sử dụng và cung cấp cho Đại biểu các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự ĐHCĐ.

Điều 2. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT.
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu.
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

Điều 3. Quy chế đề cử, ứng cử HĐQT

- Số lượng thành viên HĐQT: 01 người
- Nhiệm kỳ: 2021 – 2026
- Số lượng ứng cử viên HĐQT tối đa: không hạn chế

1. Quyền đề cử, ứng cử HĐQT (Căn cứ Điều 33 Điều lệ Công ty)

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết dưới đây có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị như sau:

- a) Từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;
- b) Từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
- c) Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
- d) Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
- đ) Từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
- e) Từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên.
- g) Từ 70% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên.

Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại Khoản 2 dưới đây.

Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và

ứng cử viên không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này. Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị được nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia HĐQT: *Ứng cử viên tham gia HĐQT phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Điều 35 Điều lệ Công ty; Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP)*

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của ACV.

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

- Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của ACV.

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc bầu cử

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định tại Quy chế làm việc tại ĐHQĐ.

- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị.

Điều 5. Phương thức bầu cử

- Phương thức bầu cử: *(Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)*

• Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.

• Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

• Đại biểu tham dự truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và tiến hành

việc bầu cử của mình (*lưu ý Đại biểu thực hiện bỏ phiếu kể từ lúc hoàn tất thủ tục đăng ký dự họp đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu điện tử cho các nội dung bầu cử*).

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn: Đại biểu tham dự truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện lại việc bầu cử của mình (*lưu ý Đại biểu thực hiện biểu quyết từ lúc hoàn tất thủ tục đăng ký dự họp đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu điện tử cho các nội dung bầu cử*).

- Đại biểu tự chuẩn bị thiết bị phù hợp có kết nối Internet để thực hiện việc bầu cử thông qua hệ thống Bỏ phiếu điện tử, bao gồm nhưng không giới hạn: máy tính cá nhân, máy xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh kết nối được Internet.

Điều 6. Phiếu bầu cử

Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là Phiếu bầu cử được Công ty cung cấp cho Đại biểu thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.

- Cách chọn Phiếu bầu cử HĐQT:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu;
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” của các ứng viên tương ứng.
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:

- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của đại biểu không bằng tổng số phiếu được phép bầu;

- Trong trường hợp có sự sai sót, cổ đông có thể thay đổi kết quả bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả bầu cử); bao gồm cả kết quả bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội

- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, hệ thống sẽ tự ghi nhận kết thúc kiểm phiếu.

Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với chủ toạ đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

Điều 7. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 8. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT (*theo mẫu của ACV hoặc mẫu khác đảm bảo theo quy định của pháp luật*).

- Sơ yếu lý lịch (*theo mẫu của ACV hoặc mẫu khác đảm bảo theo quy định của pháp luật*).

- Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau: CCCD/Thẻ Căn cước/Hộ chiếu.

- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

Người đề cử vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Hồ sơ xin gửi về Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP trước 16 giờ 00 ngày 18 tháng 6 năm 2026 theo địa chỉ sau:

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: 58 Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3848 5383

Fax: (028) 3844 5127

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử đề cử bầu vào Hội đồng quản trị tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ ACV, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước .

Quy chế này có hiệu lực thi hành ngay khi Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
QUYỀN CHỦ TỊCH HĐQT**

Số: 352/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

Các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 để biểu quyết thông qua tại Đại hội

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
2. Báo cáo hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026 của Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.
4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025.
5. Tờ trình phương án trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.
6. Tờ trình quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2025 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên năm 2026.
7. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

8. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

9. Tờ trình miễn nhiệm Thành viên HĐQT.

10. Tờ trình thông qua số lượng Thành viên HĐQT và bầu bổ sung Thành viên HĐQT.

11. Các tài liệu khác liên quan đến thủ tục tổ chức, điều hành Đại hội.

(Các nội dung chi tiết tại các Tờ trình, báo cáo đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
QUYỀN CHỦ TỊCH HĐQT**



Lê Văn Khiên

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP (ACV) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch năm 2026 như sau:

PHẦN 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025:

Năm 2025, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) hoạt động trong bối cảnh thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Kinh tế vĩ mô trong nước tiếp tục duy trì ổn định, nhu cầu đi lại, du lịch và giao thương quốc tế phục hồi tích cực tạo điều kiện thuận lợi cho thị trường hàng không phục hồi và tăng trưởng. Bên cạnh đó, ngành hàng không vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn như giá nhiên liệu hàng không duy trì ở mức cao, biến động tỷ giá, tình trạng thiếu hụt tàu bay do ảnh hưởng từ việc kiểm tra, triệu hồi động cơ và quá trình tái cơ cấu của một số hãng hàng không trong nước. Những yếu tố này làm gia tăng chi phí khai thác và ảnh hưởng đến khả năng mở rộng mạng đường bay cũng như cân đối cung – cầu của thị trường.

Trong bối cảnh đó, với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương; cùng sự điều hành linh hoạt, quyết liệt của Ban lãnh đạo và tinh thần đoàn kết, nỗ lực của toàn thể người lao động, ACV đã chủ động triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm duy trì hoạt động khai thác an toàn, ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Kết quả là ACV đã đạt và vượt kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thông qua, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025 cụ thể như sau:

- Tổng hành khách năm 2025: 120,3 triệu khách, đạt 101,3% kế hoạch năm và tăng 9,4% so với năm 2024. Trong đó, khách quốc tế là 47,1 triệu khách, đạt 104% kế hoạch năm và tăng 14% so với năm 2024; khách nội địa là 73,3 triệu khách, đạt 100% kế hoạch năm, tăng 7% so với năm 2024;

- Tổng hàng hóa bưu kiện năm 2025: 1.775 nghìn tấn, đạt 113% kế hoạch năm và tăng 15% so với năm 2024. Trong đó, hàng hóa bưu kiện quốc tế là 1.320 nghìn tấn, đạt 123% kế hoạch năm, tăng 22% so với năm 2024; hàng hóa bưu kiện nội địa là 455 nghìn tấn, đạt 90% kế hoạch năm, giảm 1% so với năm 2024;

- Tổng hạ cất cánh thương mại năm 2025: 737 nghìn lượt, đạt 102% kế hoạch năm, tăng 10% so với năm 2024. Trong đó, Hạ cất cánh quốc tế là 298 nghìn lượt, đạt 104% kế hoạch năm, tăng 14% so với năm 2024; Hạ cất cánh nội địa đạt 439 nghìn lượt, đạt 100% kế hoạch năm, tăng 7% so với năm 2024.

- Tổng doanh thu năm 2025: 24.534 tỷ đồng, đạt 110%/KH năm, tăng 12%/2024. Trong đó doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh chính 22.709 tỷ đồng, tăng 14%/2024

- Tổng chi phí năm 2025: 11.061 tỷ đồng, đạt 94%/KH năm, tăng 22%/2024. Trong đó chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chính: 10.592 tỷ đồng, tăng 18%/2024

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 13.472 tỷ đồng, đạt 128%/KH năm, tăng 6%/2024. Trong đó lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính 12.117 tỷ đồng, đạt 103,2%/KH năm, tăng 11,5%/2024

- Lợi nhuận sau thuế: 10.883 tỷ đồng, đạt 129%/KH năm, tăng 6%/2024

- Nộp NSNN 4.640 tỷ đồng, tăng 4,6%/2024

- Các chỉ tiêu tài chính: ROA: 13%; ROE 16,98%

2. Kết quả hoạt động đầu tư

Căn cứ văn bản số 9492/BTC-DNNN ngày 27/6/2025 về tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của ACV, theo đó kế hoạch vốn đầu tư năm 2025 tối đa không quá 39.828 tỷ đồng. Trên cơ sở đó, ACV đã rà soát đánh giá, ưu tiên tập trung các nguồn lực thực hiện các dự án trọng điểm. Kết quả thực hiện đầu tư phát triển năm 2025:

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm 2025 đã duyệt: 39.828 tỷ đồng

- Giá trị khối lượng thực hiện năm 2025: 36.559 tỷ đồng, đạt 92% kế hoạch năm.

Trong đó, việc triển khai các dự án trọng điểm đạt được một số kết quả như sau:

- Dự án thành phần 3 các công trình thiết yếu trong cảng hàng không thuộc dự án đầu tư xây dựng Cảng HKQT Long Thành giai đoạn 1: ngày 19/12/2025 đã thực hiện chuyến bay kỹ thuật đầu tiên. Trong quá trình triển khai dự án đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, các Bộ ngành trong việc tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đến nay dự án đã đạt được những bước chuyển biến tích cực. Hiện nay Chủ đầu tư đã chủ động phối hợp chặt chẽ với các đơn vị tư vấn và liên danh nhà thầu tiến hành rà soát tổng thể dây chuyền thi công; tập trung tối đa nguồn lực, nhân công và biện pháp kỹ thuật, quyết tâm kiểm soát chặt chẽ các mốc tiến độ và phân đấu hoàn thành đưa vào khai thác cuối năm 2026.

- Dự án Nhà ga HK T2 – CHK Đồng Hới: ACV đã tổ chức khởi công dự án vào ngày 19/4/2025; dự kiến hoàn thành đưa vào khai thác Quý IV/2026. Dự án

mở rộng sân đỗ máy bay Đồng Hới đã hoàn thành tháng 5/2025.

- Dự án Nhà ga hành khách T2 – Cảng HKQT Cát Bi: ACV đã tổ chức khởi công dự án vào ngày 19/8/2025, thời gian thực hiện dự án 18 tháng kể từ ngày được bàn giao đủ mặt bằng. Dự án Mở rộng sân đỗ máy bay – Cảng HKQT Cát Bi GD2 được khởi công ngày 11/5/2025.

- Dự án Mở rộng, nâng cấp CHK Cà Mau: ACV đã tổ chức khởi công dự án vào ngày 19/8/2025. Trong thời gian thi công, Cảng dự kiến đóng cửa 12 tháng (từ ngày 01/11/2025 đến 31/10/2026), hoàn thành và đưa vào khai thác trong tháng 10/2026.

- Dự án Xây dựng Nhà ga hàng hóa – Cảng HKQT Đà Nẵng: ACV đã tổ chức lễ động thổ công trình vào ngày 30/8/2025; dự kiến hoàn thành trong quý 4/2026.

- Các dự án hoàn thành đưa vào khai thác trong năm 2025: Dự án xây dựng nhà ga hành khách T3 Cảng HKQT Tân Sơn Nhất; Dự án Mở rộng nhà ga hành khách T2 – Cảng HKQT Nội Bài

3. Đánh giá chung kết quả đạt được trong năm 2025

Năm 2025, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP tiếp tục khẳng định vai trò doanh nghiệp nòng cốt trong quản lý, khai thác hệ thống cảng hàng không quốc gia, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn khai thác và đạt nhiều kết quả trên các lĩnh vực.

- ACV đã bảo đảm an toàn tuyệt đối trong hoạt động khai thác. Chất lượng dịch vụ tại các cảng hàng không tiếp tục được nâng cao; uy tín thương hiệu ACV được khẳng định trên trường quốc tế khi Cảng HKQT Nội Bài và Đà Nẵng tiếp tục nằm trong Top 100 sân bay tốt nhất thế giới; Cảng HKQT Đà Nẵng đạt tiêu chuẩn 5 sao quốc tế và Cảng HKQT Cam Ranh thuộc Top 10 sân bay sạch nhất thế giới năm 2025.

- Trong lĩnh vực tài chính và quản trị vốn, ACV đã hoàn thành quyết toán cổ phần hóa; được Bộ Tài chính chấp thuận, hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 35.828 tỷ đồng thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu, tạo nguồn lực quan trọng cho các dự án trọng điểm quốc gia, đặc biệt là Dự án Cảng HKQT Long Thành giai đoạn 1. Công tác quản trị doanh nghiệp tiếp tục được đổi mới, tinh gọn bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, nâng cao hiệu quả điều hành và bảo toàn, phát triển vốn Nhà nước.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 duy trì tăng trưởng tích cực, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Bộ Tài chính và Đại hội đồng cổ đông thông qua; đồng thời đảm bảo việc làm, thu nhập và chính sách phúc lợi ổn định cho hơn 10 nghìn người lao động. ACV cũng đã thành lập Chi nhánh Cảng HKQT Long Thành và Chi nhánh Dịch vụ hàng hóa hàng không Long Thành nhằm chuẩn bị cho giai đoạn khai thác dự án trọng điểm quốc gia trong thời gian tới.

- Đặc biệt, năm 2025 đánh dấu bước tiến mạnh mẽ của ACV trong công tác

chuyển đổi số và hiện đại hóa khai thác cảng hàng không. ACV đã triển khai đồng bộ các nền tảng công nghệ lõi phục vụ khai thác bay; ứng dụng AI trong giám sát khai thác và phát hiện FOD; triển khai sinh trắc học toàn trình tích hợp VNeID tại 100% cảng hàng không trên toàn quốc; đồng thời đưa vào vận hành hệ thống thu phí không dừng ETC tại các sân bay. Các giải pháp này góp phần nâng cao năng lực khai thác, tối ưu vận hành, tiết giảm chi phí và nâng cao trải nghiệm hành khách.

PHẦN 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

1. Thuận lợi và thách thức đối với hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 của ACV

Thuận lợi:

- Mục tiêu tăng trưởng kinh tế của đất nước năm 2026 được định hướng ở mức từ 10% trở lên, nền kinh tế tiếp tục đẩy mạnh hội nhập quốc tế và nhiều dự án hạ tầng hàng không trọng điểm đang được triển khai, ngành hàng không Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để phục hồi và tăng trưởng, qua đó tiếp tục đóng vai trò là một trong những động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Bên cạnh đó, Chính phủ có các chính sách thuận lợi về thị thực, cải thiện thủ tục xuất nhập cảnh, kích cầu phát triển kinh tế - du lịch. Các yếu tố này góp phần thúc đẩy nhu cầu đi lại, thu hút khách du lịch quốc tế và tạo điều kiện cho các hãng hàng không mở rộng mạng bay quốc tế trong thời gian tới.

- Thị trường vận tải hàng không quốc tế đang bị kìm nén, dự kiến sẽ tăng trưởng mạnh trở lại khi các cảng thẳng địa chính trị từng bước được kiểm soát, chuỗi cung ứng nhiên liệu ổn định hơn.

- Trong 04 tháng đầu năm 2026, thị trường hàng không tiếp tục ghi nhận tín hiệu tăng trưởng tích cực trước thời điểm xảy ra biến động địa chính trị tại khu vực Trung Đông. Sản lượng hành khách quốc tế tại các cảng hàng không do ACV quản lý khai thác tăng khoảng 15% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng hành khách nội địa tăng khoảng 6,5%.

Thách thức:

Bên cạnh những thuận lợi và cơ hội tăng trưởng tích cực, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 của ACV nói riêng và ngành hàng không nói chung vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ các yếu tố khách quan:

- Biến động địa chính trị và biến động tăng cao giá nhiên liệu: Xung đột vũ trang tại Nga - Ukraine, căng thẳng Mỹ - Israel - Iran làm đứt gãy chuỗi cung ứng hàng không toàn cầu. Giá nhiên liệu Jet A1 tại thị trường Châu Á bị đẩy lên mức cao, dao động từ 190 - 210 USD/thùng, gây áp lực trực tiếp làm tăng chi phí khai thác nội địa từ 40% - 70%.

- Trước tình trạng căng thẳng nguồn cung xăng dầu, các Hãng đã phải điều chỉnh dừng, cắt giảm tần suất khai thác, và đồng loạt áp dụng cơ chế phụ thu khiến giá vé tăng từ 20% - 30% để bù đắp chi phí, tác động trực tiếp là sản lượng tháng 4 đã giảm so với tháng 3: sản lượng khách quốc tế giảm 6% và nội địa giảm 20%.

- Mặc dù kết quả khai thác 04 tháng đầu năm 2026 ghi nhận những tín hiệu tăng trưởng khả quan, tuy nhiên triển vọng duy trì đà tăng trưởng ổn định trong các quý tiếp theo vẫn chịu tác động lớn từ nhiều yếu tố khách quan, khó dự báo và nằm ngoài khả năng kiểm soát của doanh nghiệp cảng hàng không như diễn biến xung đột địa chính trị tại một số khu vực trên thế giới, biến động giá nhiên liệu hàng không ...

- Một số công trình mới vào khai thác trong giai đoạn 2025–2026 tuy có lợi ích cốt lõi trong trung và dài hạn nhưng trong ngắn hạn sẽ làm gia tăng chi phí vận hành, chi phí khấu hao, sẽ ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh giá nguyên nhiên liệu liên tục gia tăng, sản lượng vận chuyển đang có xu hướng giảm.

2. Các chỉ tiêu chính của kế hoạch SXKD năm 2026

a. Sản lượng vận chuyển

- Tổng hành khách: 126 triệu khách, tăng 10% so với thực hiện 2025. Trong đó: Khách quốc tế: 50 triệu, tăng 12%/2025, Khách trong nước: 76 triệu khách, tăng 8%/2025;

- Tổng hàng hóa bưu kiện đạt 1.897 nghìn tấn, tăng 7%/2025;

- Tổng hạ cất cánh đạt 755 nghìn lượt chuyên, tăng 8%/2025;

b. Kế hoạch tài chính Công ty mẹ ACV

- Tổng doanh thu: 21.141 tỷ đồng, tăng 2% so với thực hiện 2025 (*trong đó, doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh chính: 20.766 tỷ đồng; tăng 10%/2025*);

- Tổng chi phí: 14.130 tỷ đồng, tăng 60% so với thực hiện 2025;

- Lợi nhuận trước thuế: 7.011 tỷ đồng, đạt 59% so với thực hiện 2025 (*trong đó, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính: 7.774 tỷ đồng; đạt 74%/2025*);

- Nộp NSNN: 1.678 tỷ đồng;

- ROA: 5,24%; ROE: 7,86%

Ghi chú: Số liệu Kế hoạch 2026 và thực hiện 2025 không bao gồm hoạt động kinh doanh Phú Quốc và hoạt động đảm bảo an ninh hàng không.

Lợi nhuận kế hoạch năm 2026 giảm so với thực hiện năm 2025 chủ yếu do ACV bước vào giai đoạn cao điểm đầu tư và nhiều dự án trọng điểm hoàn thành, đưa vào khai thác làm gia tăng chi phí khấu hao, chi phí vận hành, bảo trì khai thác và chi phí lãi vay. Đồng thời, nguồn tiền tích lũy được ưu tiên tập trung cho đầu tư

các dự án trọng điểm quốc gia nên doanh thu hoạt động tài chính từ lãi tiền gửi dự kiến giảm đáng kể.

c. Kế hoạch thu – chi quản lý khai thác khu bay

- Doanh thu hạ cất cánh: 3.243 tỷ đồng;
- Chi phí: 2.335 tỷ đồng;
- Chênh lệch thu – chi: 908 tỷ đồng.

3. Kế hoạch đầu tư năm 2026

Năm 2026, ACV tiếp tục tập trung nguồn lực triển khai các dự án trọng điểm quốc gia, các dự án hạ tầng hàng không quan trọng nhằm nâng cao năng lực khai thác, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của thị trường hàng không và từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng cảng hàng không theo quy hoạch được phê duyệt.

- Phần đầu hoàn thành, đưa vào khai thác trong năm 2026 đối với các dự án: Dự án Cảng HKQT Long Thành giai đoạn 1; Nhà ga hành khách T2 – Cảng HK Đồng Hới; Dự án cải tạo, mở rộng Cảng HK Cà Mau; Nhà ga hàng hóa Cảng HKQT Cát Bi; Sửa chữa cải tạo đường HCC CHKQT Liên Khương...

- Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ triển khai đối với các dự án: Nhà ga hành khách T2 – Cảng HKQT Cát Bi; Dự án kéo dài đường cất hạ cánh Cảng HKQT Vinh; Nhà ga hàng hóa Cảng HKQT Đà Nẵng.

- Tiếp tục triển khai công tác chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư đối với các dự án nhằm nâng cao năng lực khai thác tại các cảng hàng không trọng điểm, bao gồm: *Dự án mở rộng Nhà ga T1 – Cảng HKQT Đà Nẵng; Dự án mở rộng Nhà ga T1 – Cảng HKQT Cam Ranh; đầu tư Nhà ga hàng hóa và sân đỗ máy bay; Các dự án tại Cảng HKQT Tân Sơn Nhất gồm cải tạo Nhà ga T1, hợp khối với Nhà ga T2 và xây dựng tuyến kết nối ngầm từ Nhà ga T1 sang Nhà ga T3; Dự án đầu tư Nhà ga T2 và xây dựng đường CHC, sân đỗ máy bay Cảng HK Chu Lai; Dự án đầu tư Nhà ga T2 và sân đỗ máy bay Cảng HK Tuy Hòa; Dự án đầu tư Nhà ga T2 và sân đỗ máy bay Cảng HK Phù Cát.*

Bên cạnh đầu tư xây dựng hạ tầng, ACV tiếp tục triển khai đầu tư hệ thống thiết bị, công nghệ phục vụ khai thác và thực hiện lộ trình chuyển đổi số theo định hướng xây dựng cảng hàng không thông minh.

- Tổng mức đầu tư kế hoạch năm 2026 dự kiến khoảng 286.900 tỷ đồng, kế hoạch vốn đầu tư khoảng 40.573 tỷ đồng.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2026 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG
KHÔNG VIỆT NAM - CTCP**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP (ACV) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) năm 2025 và định hướng năm 2026 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HDQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA ACV NĂM 2025

Trong năm 2025, bối cảnh quốc tế và khu vực tiếp tục ghi nhận những diễn biến nhanh, mạnh và phức tạp, với nhiều khó khăn, thách thức: xung đột tại một số khu vực tiếp tục leo thang; giá nhiên liệu và các mặt hàng cơ bản biến động mạnh; quá trình phục hồi kinh tế – thương mại toàn cầu diễn ra chậm và thiếu vững chắc; cùng với đó, thiên tai và biến đổi khí hậu ngày càng ảnh hưởng sâu rộng đến hoạt động vận tải, lưu thông.

Ngành hàng không nói chung và ACV nói riêng, hoạt động khai thác tiếp tục chịu tác động đan xen giữa cơ hội phục hồi và những khó khăn, thách thức. Thị trường quốc tế có xu hướng phục hồi rõ nét hơn nhờ nhu cầu du lịch, giao thương tăng trở lại. Trong khi đó, thị trường nội địa từng bước ổn định nhưng còn chịu áp lực cạnh tranh và biến động về giá vé. Các yếu tố đầu vào của ngành hàng không tiếp tục chịu áp lực lớn, đặc biệt là giá nhiên liệu hàng không duy trì ở mức cao; biến động tỷ giá; tình trạng thiếu hụt tàu bay do ảnh hưởng từ việc kiểm tra, triệu hồi động cơ của các nhà sản xuất; cùng với quá trình tái cơ cấu của một số hãng hàng không trong nước. Những yếu tố này làm gia tăng chi phí khai thác, ảnh hưởng đến khả năng mở rộng mạng đường bay và cân đối cung – cầu của thị trường, qua đó tiếp tục tạo áp lực lên hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành.

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Đảng, Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương; cùng với sự điều hành quyết liệt, linh hoạt của tập thể Ban lãnh đạo, và với sự nỗ lực, đoàn kết của toàn thể người lao động, ACV đã chủ động thích ứng với biến động thị trường, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm duy trì hoạt động khai thác an toàn, ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Kết quả năm 2025, ACV đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong đó:

- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế của ACV đạt: 13.472 tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2024, đạt mức cao nhất từ trước đến nay;

- Hoạt động đầu tư phát triển có nhiều đột phá với các kết quả nổi bật tại các dự án lớn như:

+ Khánh thành và đưa vào khai thác Dự án xây dựng nhà ga hành khách T3 - Cảng HKQT Tân Sơn Nhất vào ngày 19/4/2025, chào mừng kỷ niệm 50 năm Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước;

+ Khánh thành các hạng mục chính và khai trương chuyến bay chở khách đầu tiên vào sáng 19/12/2025 với sự tham dự của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình;

+ Khánh thành và đưa vào khai thác Dự án mở rộng Nhà ga quốc tế T2 – Cảng HKQT Nội Bài. Dự án nâng tổng diện tích sàn nhà ga lên hơn 200.000 m², nâng công suất khai thác từ 10 triệu lên 15 triệu hành khách/năm (có thể phục vụ tới 18 triệu khách), đồng thời tăng gần gấp đôi số lượng cửa ra tàu bay và cầu ống lồng. Đây là công trình gắn liền chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

+ Khánh thành Dự án nâng cấp đồng bộ đường cất hạ cánh và nhà ga hành khách Cảng HKQT Vinh nhằm đáp ứng nhu cầu giao thương, du lịch ngày càng tăng của khu vực Bắc Trung Bộ.

+ Bên cạnh đó, các công trình như: Nhà ga hành khách T2 - Cảng hàng không Đồng Hới, dự án mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau, mở rộng sân đỗ Cảng HKQT Cát Bi, cũng đã được tổ chức khởi công đúng kế hoạch đề ra.

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm 2025 đã duyệt là: 39.828 tỷ đồng; Giá trị khối lượng thực hiện năm 2025 là 36.559 tỷ đồng, đạt 92% kế hoạch năm; Giải ngân trong năm 2025 là 29.482 tỷ đồng, đạt 74% kế hoạch năm.

- Nộp ngân sách nhà nước đạt 4.640 tỷ đồng;

- Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, cổ đông; giữ vững các cân đối lớn về tài chính và đầu tư; đảm bảo đầy đủ chính sách phúc lợi, thu nhập ổn định cho hơn 10.000 người lao động.

(Chi tiết kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của ACV như báo cáo của Ban điều hành)

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Trong năm 2025, đầu năm 2026, số lượng thành viên HĐQT có nhiều biến động. Hội đồng quản trị tại thời điểm trước Đại hội gồm 3 thành viên, trong đó: 01 thành viên giữ chức danh Quyền Chủ tịch – Người đại diện theo pháp luật, 02 thành viên không điều hành.

Danh sách thành viên HĐQT trong năm 2025:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Lại Xuân Thanh	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 30/06/2025

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
2	Vũ Thế Phiệt	Chủ tịch HĐQT	TV không điều hành Miễn nhiệm ngày 17/03/2026
		TV HĐQT	
3	Đào Việt Dũng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 22/01/2026
4	Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 30/06/2025
5	Lê Văn Khiên	Quyền Chủ tịch HĐQT	TV không điều hành Bỏ nhiệm ngày 17/03/2026
		Thành viên HĐQT	
6	Nguyễn Thị Hồng Phượng	Thành viên HĐQT	TV không điều hành
7	Nguyễn Ngọc Quý	Thành viên HĐQT	TV không điều hành

Ghi chú:

(1) Ông Lại Xuân Thanh: Nghỉ hưu theo chế độ kể từ ngày 01/09/2024; Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT ngày 01/09/2024; Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT ngày 30/06/2025.

(2) Bà Lê Thị Diệu Thúy: Có đơn xin từ nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kể từ ngày 24/02/2025; Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT ngày 30/06/2025.

(3) Ngày 22/01/2026, tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ Tổng công ty đã quyết nghị:

- Bỏ nhiệm ông Nguyễn Tiến Việt - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành là Thành viên HĐQT mới.

- Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Đào Việt Dũng do yêu cầu công tác (đã được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm Phó Bí thư chuyên trách Đảng ủy Tổng công ty)

(4) Ngày 17/03/2026, tại Quyết định số 139/QĐ-HĐQT của HĐQT Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP, miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP đối với ông Vũ Thế Phiệt.

(5) Ngày 17/03/2026, tại Quyết định số 141/QĐ-HĐQT của HĐQT Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP, bổ nhiệm chức danh Quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP đối với ông Lê Văn Khiên.

2. Hoạt động của HĐQT

Thực hiện các nhiệm vụ đã được ĐHCĐ thường niên năm 2025 giao, đảm bảo hoạt động của ACV tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ, HĐQT đã phân công cho các thành viên HĐQT chủ trì triển khai, thực hiện các nhiệm vụ theo từng lĩnh vực cụ thể; đảm bảo việc chỉ đạo, giám sát toàn diện của HĐQT đối với hoạt động của ACV.

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 39 phiên họp và tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT, ban hành 489 Nghị quyết/Quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Chi tiết nội dung các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT được trình bày tại Phụ lục 01 kèm theo Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025, số 45/BC-HĐQT ngày 03/02/2026. Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của ACV.

Báo cáo ghi nhận sự tham gia của các thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT năm 2025 như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Vũ Thế Phiệt	39/39	100%	
2	Đào Việt Dũng	37/39	94,9%	Làm việc với cổ đông Đi công tác
3	Lê Thị Diệu Thúy	06/06	100%	Có đơn xin từ nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kể từ ngày 24/02/2025
4	Lê Văn Khiên	37/39	94,9%	Đi công tác
5	Nguyễn Thị Hồng Phượng	38/39	97,4%	Tham dự cuộc họp khác
6	Nguyễn Ngọc Quý	35/39	89,7%	Nghỉ phép

3. Hoạt động của Thành viên HĐQT

Trong năm 2025, đầu năm 2026, mặc dù có nhiều sự biến động, với sự chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, các Thành viên HĐQT đã kịp thời phân công nhiệm vụ cho các Thành viên, bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ của ACV; tham gia các cuộc họp và cho ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm, phát huy tối đa năng lực, kinh nghiệm của các

thành viên HĐQT vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của ACV. Từng thành viên HĐQT cũng đã thực hiện các nhiệm vụ được HĐQT phân công. Trong đó: (i) Chủ tịch HĐQT đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ ACV, Quy chế quản trị nội bộ (gồm tổ chức các cuộc họp, thay mặt HĐQT ban hành nghị quyết/quyết định của HĐQT, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nghị quyết của HĐQT, xây dựng và ban hành các quy chế quản lý nội bộ); (ii) các thành viên HĐQT không điều hành có đóng góp trong công tác giám sát, đánh giá, đưa ra ý kiến cho Ban Điều hành trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần kiện toàn và nâng cao năng lực quản trị kinh doanh của Tổng công ty.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

Trong năm 2024 và đầu năm 2025, ACV có 02 ban độc lập trực thuộc HĐQT là Ban Thư ký và Ban Kiểm toán nội bộ.

Kể từ ngày 28/3/2025, thực hiện chủ trương chung của Đảng, Nhà nước về sắp xếp, tinh gọn bộ máy hiệu lực, hiệu quả, căn cứ vào tình hình thực tế, cùng với sự cơ cấu, sắp xếp lại các tổ chức đơn vị của Tổng công ty, ACV đã thực hiện sáp nhập Ban Thư ký vào Văn phòng Tổng công ty và Hợp nhất Ban Pháp chế và Ban Kiểm toán nội bộ thành Ban Pháp chế - Kiểm toán nội bộ.

Sau sáp nhập, hợp nhất, các bộ phận mới tiếp tục thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của đơn vị cũ, tiếp tục hỗ trợ Hội đồng quản trị, đảm bảo hoạt động thông suốt không bị gián đoạn.

5. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT

Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT được thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 quy định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước và Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính Phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước (áp dụng từ năm 2025).

Chi tiết tiền lương, thưởng của từng thành viên HĐQT được trình bày tại BCTC đã được kiểm toán năm 2025.

6. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Chi tiết báo cáo về các giao dịch được trình bày tại Phụ lục 04 kèm theo

Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025, số 45/BC-HĐQT ngày 03/02/2026.

III. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2025, Ban Điều hành ACV gồm 04 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng, trong đó, 01 Phó Tổng Giám đốc được giao phụ trách Ban điều hành.

Căn cứ Điều lệ ACV, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế phối hợp, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT trong năm 2025 như sau:

1. Phương pháp giám sát

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện giám sát Ban Điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT bằng các phương pháp như sau:

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định thông qua việc duy trì chế độ làm việc thường xuyên, tổ chức các cuộc họp định kỳ hằng tuần và chủ động triệu tập các cuộc họp chuyên đề, đột xuất khi cần thiết. Thông qua các phiên họp, HĐQT tập trung xem xét, thảo luận tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của ACV, kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; đồng thời rà soát, điều chỉnh các chủ trương, giải pháp quản lý, điều hành nhằm đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển của Tổng công ty trong từng giai đoạn.

- Định kỳ hàng quý, căn cứ các báo cáo tổng hợp, đánh giá từ Ban Điều hành và các đơn vị chức năng, HĐQT tiến hành theo dõi, đánh giá một cách toàn diện việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định đã được ban hành. Trên cơ sở kết quả đánh giá, HĐQT xem xét mức độ hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, đồng thời cho ý kiến chỉ đạo, định hướng điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện và đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

- Ngoài các cuộc họp, HĐQT xem xét và cho ý kiến bằng văn bản với các nội dung phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài kế hoạch hoặc vượt thẩm quyền của Ban Điều hành.

- Trong năm 2025, HĐQT đã xây dựng và triển khai kế hoạch giám sát toàn diện đối với hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Điều hành. Theo đó, HĐQT phân công cụ thể từng thành viên phụ trách theo từng nội dung công việc, nhiệm vụ được giao; đồng thời tăng cường phối hợp với Ban Kiểm soát và Ban Pháp chế - Kiểm toán nội bộ trong việc thu thập thông tin, phân tích số liệu và đánh giá tình hình thực hiện. Trên cơ sở các báo cáo giám sát định kỳ, HĐQT đã xem xét, cho ý kiến đối với các kiến nghị, đề xuất; yêu cầu Ban Điều hành và các đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp khắc phục đối với những tồn tại, hạn chế được chỉ ra, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản trị và điều hành tại ACV.

- Bên cạnh đó, các thành viên HĐQT thường xuyên tham dự các cuộc họp

giao ban định kỳ hàng tháng với Ban Điều hành và đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt nhằm theo dõi sát diễn biến tình hình sản xuất kinh doanh, kịp thời cập nhật các yếu tố tác động từ thị trường và môi trường hoạt động. Thông qua việc trao đổi, thảo luận tại các cuộc họp, HĐQT chủ động đưa ra các ý kiến, định hướng và đề xuất giải pháp phù hợp, hỗ trợ Ban Điều hành trong công tác điều hành và ứng phó với các biến động phát sinh.

2. Đánh giá chung

Thông qua công tác giám sát của HĐQT đối với hoạt động của Ban Điều hành trong năm 2025 vừa qua, ghi nhận các kết quả sau:

- Trong năm 2025, ngành hàng không toàn cầu duy trì xu hướng tăng trưởng song phải đối mặt với nhiều yếu tố bất định từ môi trường kinh tế và thị trường quốc tế, tạo ra bối cảnh hoạt động vừa có cơ hội, vừa tiềm ẩn không ít thách thức. Mặc dù nhu cầu vận chuyển hàng không tiếp tục gia tăng, sản lượng hành khách quốc tế và nội địa đạt mức cao tại nhiều khu vực, song hoạt động của ngành vẫn chịu ảnh hưởng bởi biến động giá nhiên liệu, áp lực chi phí khai thác, những hạn chế trong chuỗi cung ứng toàn cầu, cùng với các xung đột địa chính trị và căng thẳng thương mại kéo dài, tác động trực tiếp đến hiệu quả vận tải hàng không và khả năng kết nối giữa các thị trường.

- Trước những thách thức của thị trường, Ban Điều hành đã phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động và linh hoạt trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; kịp thời triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả khai thác, bảo đảm an toàn, chất lượng dịch vụ và đáp ứng yêu cầu của thị trường. Đồng thời, Ban Điều hành tăng cường phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, các đối tác liên quan để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về hạ tầng, nguồn lực và tổ chức khai thác. Với sự đoàn kết, nỗ lực của tập thể lãnh đạo và người lao động ACV, cùng sự quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời của Chính phủ và các Bộ, ngành, ACV đã duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, nâng cao khả năng thích ứng trước các biến động của thị trường.

- HĐQT đánh giá Ban Điều hành đã thực hiện đầy đủ, đúng thẩm quyền các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ ACV cũng như các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Điều hành đã bám sát thực tiễn, chủ động, thận trọng và thể hiện tinh thần trách nhiệm cao; kịp thời triển khai các giải pháp nhằm khắc phục khó khăn, thách thức phát sinh. Đồng thời, Ban Điều hành không ngừng củng cố, nâng cao năng lực quản trị theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, qua đó đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được giao, góp phần bảo vệ và tối đa hóa lợi ích hợp pháp của ACV và các cổ đông.

IV. VỀ SỰ VIỆC VI PHẠM PHÁP LUẬT XẢY RA TẠI ACV

Tại thời điểm đầu năm 2026 (cụ thể là ngày 26/01/2026), một số cán bộ, lãnh đạo ACV, trong đó có ông Vũ Thế Phiệt – Chủ tịch HĐQT, ông Nguyễn Tiến Việt – Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc phụ trách Tổng công ty, Giám đốc Ban Quản lý dự án CHKQT Long Thành có các hành vi vi phạm pháp luật liên

quan đến Dự án Cảng HKQT Long Thành, Nhà ga T3 - Cảng HKQT Tân Sơn Nhất bị các cơ quan chức năng khởi tố, tạm giam và hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng.

Sự việc được các cơ quan chức năng đánh giá là rất nghiêm trọng, các cá nhân vi phạm là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Tổng công ty, hành vi vi phạm rất tinh vi, vượt qua khả năng kiểm soát của HĐQT và nhiều cơ quan chức năng.

Sự việc trên đã ảnh hưởng rất tiêu cực tới uy tín, hình ảnh của Tổng công ty nói chung, cán bộ lãnh đạo, người lao động của ACV nói riêng. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính và các cơ quan có thẩm quyền, HĐQT đã kịp thời phối hợp cùng Thường vụ đảng ủy, Ban điều hành Tổng công ty: (1) Kiện toàn nhân sự chủ chốt thay thế: Giao Quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị cho ông Lê Văn Khiên – Thành viên Hội đồng quản trị; Giao Quyền Tổng Giám đốc cho ông Nguyễn Đức Hùng – Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành; (2) Lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của ACV ổn định, thông suốt; (3) Bảo đảm quyền lợi nhà nước, doanh nghiệp, người lao động.

Đây là vụ việc phức tạp, các sai phạm liên quan đến trách nhiệm tập thể, cá nhân đang được các cơ quan chức năng điều tra, làm rõ. ACV vẫn đang phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng để phục vụ quá trình điều tra, làm rõ sự việc trên tinh thần thượng tôn pháp luật. Các vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc đều được ACV tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính và các cấp có thẩm quyền cũng như nghĩa vụ về công bố thông tin theo quy định của pháp luật đến cổ đông và các cơ quan liên quan.

ACV khẳng định: Các vi phạm pháp luật là động cơ cá nhân, thuộc trách nhiệm của các cá nhân liên quan, mọi hoạt động khai thác tại các cảng hàng không trực thuộc vẫn diễn ra bình thường và đảm bảo an toàn.

Sự việc xảy ra trong năm 2026, không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025. Mặt khác, với đặc thù là đơn vị quản lý hạ tầng giao thông trọng yếu, hệ thống vận hành của ACV được xây dựng trên quy trình tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo tính tự động hóa và sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận, không phụ thuộc vào bất kỳ cá nhân nào. ACV cam kết ưu tiên cao nhất cho an toàn hàng không và chất lượng dịch vụ phục vụ hành khách; cũng như nỗ lực tối đa để bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông và các bên liên quan.

V. ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2026

1. Định hướng năm 2026

Năm 2026 là cột mốc quan trọng, năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ 14 của Đảng cộng sản Việt Nam, với vai trò trách nhiệm là một doanh nghiệp nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội, Hội đồng quản trị, Ban điều hành ACV cũng đã xác định nhiều nhiệm vụ trọng tâm.

Đây là thời điểm tập trung nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các Cảng HK, đồng thời từng bước tăng công suất hoạt động. Cùng với đó, công tác quản trị tài chính doanh nghiệp được triển khai theo hướng chặt chẽ nhưng linh hoạt, nhằm duy trì dòng tiền ổn định, đáp ứng yêu cầu vốn cho các kế hoạch đầu tư

trong thời gian tới.

Tuy nhiên, năm 2026 được đánh giá đối mặt với không ít khó khăn thách thức, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự tiếp tục kéo dài tại một số quốc gia và bùng nổ tại Trung Đông, tác động nghiêm trọng đến nguồn cung và giá dầu, khí thiên nhiên hóa lỏng, các sản phẩm dầu mỏ, nguy cơ gián đoạn các tuyến hàng lang vận tải hàng hải, hàng không, đứt gãy chuỗi cung ứng và suy giảm tăng trưởng kinh tế, thương mại toàn cầu,... đặt ra nhiều thách thức và áp lực đối với công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của ACV, HĐQT xác định chiến lược và định hướng trọng tâm, tận dụng cơ hội, ứng phó thách thức, tăng trưởng 2 con số, tối ưu hóa lợi ích kinh doanh của ACV. Cụ thể như sau:

1.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

- Tổng hành khách: 126 triệu khách, tăng 10% so với thực hiện 2025.
- Tổng HH – BK: 1.897 nghìn tấn, tăng 7%/2025.
- Hạ cất cánh: 755 nghìn lượt chuyến, tăng 8%/2025.
- Tổng doanh thu: 21.141 tỷ đồng, tăng 2% so với thực hiện 2025 (trong đó, doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh chính: 20.766 tỷ đồng; tăng 10%/2025).
- Lợi nhuận trước thuế: 7.011 tỷ đồng, đạt 59% so với thực hiện 2025 (trong đó, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính: 7.774 tỷ đồng; đạt 74%/2025).
- Thu - chi từ quản lý khu bay: 908 tỷ đồng (Trong đó: Doanh thu hạ cất cánh: 3.243 tỷ đồng; Chi phí: 2.335 tỷ đồng).
- Tổng mức đầu tư kế hoạch năm 2026 dự kiến khoảng 286.900 tỷ đồng, với nhu cầu vốn đầu tư khoảng 40.573 tỷ đồng.

1.2. Định hướng của HĐQT năm 2026

- Đảm bảo vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của Người khai thác cảng theo quy định của pháp luật về hàng không. Giữ vững và phát huy vị thế, vai trò ACV là doanh nghiệp chủ đạo trong lĩnh vực đầu tư, khai thác hệ thống Cảng HK Việt Nam.
- Đảm bảo tuyệt đối an toàn hàng không trong điều hành khai thác. Duy trì hoạt động thông suốt và nâng cao chất lượng dịch vụ tại các Cảng HK.
- Bám sát các ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn từ cấp có thẩm quyền trong việc triển khai thực hiện Dự án Cảng HKQT Long Thành giai đoạn 1 nhằm bảo đảm tiến độ; Phấn đấu hoàn thành đưa vào khai thác các dự án Mở rộng nâng cấp Cảng HK Cà Mau, Nhà ga hành khách T2 – Cảng HK Đồng Hới, Nhà ga hành khách T2 – Cảng HK Cát Bi đúng tiến độ. Song song đó đẩy nhanh đầu tư vào các Cảng HK giữ vai trò then chốt trong hệ thống mạng.
- Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của ACV. Tăng cường hoạt động giám sát, nhận diện, phân tích biến

động của thị trường, tình hình triển khai các dự án đầu tư; rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các quy chế nội bộ phù hợp với Điều lệ công ty và quy định pháp luật, đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả đối với công tác quản lý và điều hành. Tiếp tục phát huy tính độc lập, phản biện trong hoạt động giám sát của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát; Đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành, trách nhiệm giải trình của Ban Điều hành thông qua hoạt động quản trị doanh nghiệp (quản trị sản xuất, tài chính, dự án đầu tư, nguồn nhân lực...).

- Thực hiện các chính sách kích cầu, thu hút hãng hàng không, đặc biệt trong giai đoạn đầu khai thác Cảng HKQT Long Thành.

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ phi hàng không tại các cảng trọng điểm (Long Thành, T3 Tân Sơn Nhất, T2 Nội Bài) nhằm gia tăng doanh thu và biên lợi nhuận; từng bước đổi mới hoạt động dịch vụ phi hàng không thông qua việc áp dụng các mô hình nhượng quyền; đa dạng hóa hình thức kinh doanh, thương hiệu, đối tác và phương thức hợp tác. Đồng thời, triển khai các chiến lược phân khúc hành khách, thiết lập các dịch vụ độc quyền, cao cấp nhằm phục vụ hành khách quốc tế và phân khúc có khả năng chi trả cao tại các Cảng HKQT Long Thành, Nội Bài, Tân Sơn Nhất,...

- Chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước để rà soát, cập nhật lại quy hoạch chi tiết các Cảng HK. Tham gia tích cực vào công tác lập và điều chỉnh quy hoạch nhằm đảm bảo sự đồng bộ, hiện đại, có khả năng mở rộng linh hoạt, thích nghi trong triển khai và phù hợp với yêu cầu tổ chức khai thác lâu dài.

- Thực hiện các giải pháp đảm bảo nguồn lực tài chính để đầu tư: cân đối sử dụng hiệu quả nguồn vốn tự có trong kế hoạch hàng năm; xây dựng các phương án huy động hợp lý như vay vốn thương mại, liên kết đầu tư với các doanh nghiệp trong nước có năng lực, kinh nghiệm về tài chính, quản trị, để cùng tham gia khai thác một số công trình dịch vụ nhà ga hàng hóa, xăng dầu hàng không, ...

- Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động của doanh nghiệp. Hoàn thiện mô hình Cảng HK thông minh; mở rộng các hệ thống tự động hóa, sinh trắc học, dịch vụ tự phục vụ tại các cảng trọng điểm; Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị tài chính, quản lý tài sản và điều hành khai thác; tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, tích cực thu hồi công nợ, thực hiện đạt kết quả cao nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển năm 2026. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của cổ đông, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của Nhà nước.

- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển cho giai đoạn 2026–2031, định hướng chiến lược dài hạn cho ACV.

2. Định hướng giai đoạn 2026 – 2031

Về định hướng lâu dài trong giai đoạn 2026 - 2031, ACV sẽ tiếp tục bám sát các chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, khắc phục các khuyết điểm, tồn tại, hạn

ché, tối ưu hóa mọi nguồn lực của doanh nghiệp, tập trung vào các nhiệm vụ cốt lõi sau:

- Đảm bảo an toàn và nâng cao chất lượng dịch vụ trong hoạt động điều hành khai thác Cảng. Giữ vững và phát huy vị thế, vai trò ACV là doanh nghiệp chủ đạo trong lĩnh vực đầu tư, khai thác hệ thống Cảng HK Việt Nam.

- Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và sử dụng hiệu quả vốn, tài sản. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn với mức tăng trưởng bình quân trên 10%.

- Rà soát, đầu tư phát triển hạ tầng hàng không nhằm nâng cao năng lực khai thác, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của thị trường hàng không; Từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng cảng hàng không theo quy hoạch được phê duyệt và phát triển hệ thống cảng hàng không đồng bộ, hiện đại tại các Cảng hàng không trọng điểm trên cả nước. Đưa tổng công suất thiết kế toàn mạng cảng đạt 179 triệu khách/năm (tăng khoảng 40% so với hiện tại).

- Thực hiện chuyển đổi số đồng bộ toàn diện trên mọi mặt hệ thống, làm nền tảng cho sự phát triển đột phá của ACV. Tiếp tục thực hiện số hóa toàn diện, xây dựng các sân bay xanh, thông minh, xây dựng văn hóa số, làm chủ tương lai số.

- Xây dựng bộ máy tổ chức hiện đại, tinh gọn, linh hoạt, hiệu quả; đổi mới về quản trị, vận hành khai thác các Cảng HK đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của ACV; phát triển lực lượng lao động chuyên nghiệp, tác phong làm việc khoa học, linh hoạt và thích ứng nhanh với thay đổi.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách, đặc biệt là các nội dung đột phá; đảm bảo tính đồng bộ, kịp thời, khả thi trong cơ chế nội bộ; huy động, phân bổ và phát huy có hiệu quả các nguồn lực của ACV, tạo động lực tăng trưởng nhanh và bền vững.

- Thực hiện tốt vai trò trách nhiệm xã hội qua các chương trình an sinh xã hội của ACV.

Trên đây là Báo cáo hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Số: 15 /BC-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025,
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Kính thưa: Đại hội đồng Cổ đông

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP (“ACV”) được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Ban Kiểm soát Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động năm 2025 và kế hoạch của Ban Kiểm soát năm 2026 như sau:

PHẦN I: KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG ACV CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

1. Hoạt động:

Ban Kiểm soát (“BKS”) của ACV-CTCP nhiệm kỳ 2021-2026 gồm ba (03) thành viên: 01 Trưởng ban, 02 thành viên đều làm việc chuyên trách và 1 thành viên Ban kiểm soát nghỉ việc từ 01/12/2025. Hoạt động của Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định của Điều lệ ACV.

Trong năm, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp với các nội dung: (i) Thông qua báo cáo hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025; (ii) Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ từng thành viên BKS hàng quý, triển khai một số nội dung thực hiện giám sát hàng quý theo kế hoạch. Ngoài ra, BKS đã tổ chức lấy phiếu ý kiến từng thành viên về các nội dung thẩm định Báo cáo Tài chính.

Một số hoạt động chính của Ban Kiểm soát trong năm 2025 như sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban kiểm soát đã nghiên cứu kỹ tài liệu họp để đóng góp ý kiến đến HĐQT đối với các nội dung liên quan đến kinh doanh dịch vụ, dự án đầu tư.

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 theo Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.

- Lập báo cáo giám sát báo cáo HĐQT tình hình thực hiện Nghị quyết 21/NQ-HĐQT ngày 30/01/2023 về tình hình quản lý, thu hồi công nợ và lãi phạt chậm thanh toán của các hãng hàng không quốc nội.

- Cho ý kiến về Báo cáo tài chính năm 2024, xem xét Báo cáo tài chính hàng quý năm 2025; cho ý kiến đối với soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp và hợp nhất năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 của Tổng công ty.

- Cho ý kiến đối với Báo cáo giám sát tài chính năm 2024 của Tổng công ty (theo yêu cầu của Cục Phát triển DNNN- Bộ Tài chính tại văn bản số 1035/DNPN-NV2 ngày 16/6/2025).

- Giám sát hoạt động tại khối văn phòng thông qua việc xem xét một số hồ sơ, hợp đồng liên quan đến dự án đầu tư, cụ thể như dự án đầu tư trang thiết bị phục vụ bảo dưỡng, sửa chữa khu bay cho CHKQT Vinh và Liên Khương, đầu tư xe cút cở gồm đầu kéo và dàn cút cở cho CHK Thọ Xuân và Buôn Ma Thuột.

- Kiểm tra trực tiếp công tác quản lý đầu tư xây dựng, sửa chữa tài sản, hợp đồng cung cấp dịch vụ, hợp đồng mua dịch vụ tại Cảng HK Phù Cát, Đồng Hới và Cảng HK quốc tế Nội Bài.

- Giám sát gián tiếp các Cảng hàng không thông qua kết quả kiểm tra của Ban Kiểm toán nội bộ và có ý kiến đối với kết quả kiểm tra tại một số chi nhánh.

- Giám sát hoạt động đầu tư vốn của ACV vào các doanh nghiệp khác thông qua xem xét tài liệu hợp ĐHCĐ và báo cáo của Người đại diện vốn tại doanh nghiệp khác.

- Đóng góp ý kiến xây dựng, sửa đổi, bổ sung một số quy chế của Tổng công ty như Quy chế quản lý tài chính, Quy chế lương thưởng của Người quản lý và Người lao động, Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý quỹ khen thưởng và phúc lợi .

- Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bộ giá dịch vụ và hợp đồng cung cấp dịch vụ.

- Giám sát việc thực hiện kiến nghị của cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước tại ACV thông qua các báo cáo của Tổng công ty về tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán nhà nước tại các văn bản, Nghị quyết số 178/NQ-HĐQT ngày 22/4/2025, số 373/NQ-HĐQT ngày 24/7/2025, số 578/NQ-HĐQT ngày 06/11/2025 và số 55/NQ-HĐQT ngày 04/02/2026.

- Tham gia lập Báo cáo thường niên ACV năm 2025 và báo cáo quản trị năm 2025.

2.Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương của 03 thành viên Ban Kiểm soát làm việc chuyên trách được thực hiện theo nghị định 44/2025/NĐ-CP và số 248/2025/NĐ-CP quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện và Kiểm soát viên của doanh nghiệp Nhà nước và đã thực hiện công bố thông tin theo quy định.

II. Kết quả giám sát năm 2025

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty và Quy chế quản trị nội bộ, Ban Kiểm soát đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong năm 2024. Kết quả như sau:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn trong việc chỉ đạo, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của ACV, một số nội dung chính trong năm 2025 gồm:

- Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 theo Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua.

- Ban hành một số quy chế của ACV như: Quy chế Quản lý hoạt động mua sắm hàng hoá và dịch vụ Tổng công ty; Quy chế Quản lý chi tiêu nội bộ; Quy chế Thi đua-Khen thưởng; Quy chế Quản lý Đào tạo, huấn luyện; Quy chế về hoạt động giám sát, kiểm tra nội bộ; Quy chế trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, lãnh đạo Tổng công ty; Quy định về Quản lý hợp đồng;...

- Phê duyệt chủ trương lựa chọn đơn vị hợp tác kinh doanh đối với các hợp đồng thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Quyết định thông qua chủ trương phê duyệt dự án đầu tư (dự án Sửa chữa đường HCC, đường lãn CHKQT Vinh, Xây dựng nhà ga T2-CHK Đồng Hới, ...), điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu của 1 số gói thầu Dự án thành phần 3 – Cảng HKQT Long Thành (Giai đoạn 1), thông qua chủ trương lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt để triển khai đầu tư đường HCC số 2- CHKQT Long Thành, phê duyệt dự án đầu tư & kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Mở rộng, nâng cấp CHK Cà Mau, thông qua nội dung chính của báo cáo đầu tư của hệ thống máy chủ AI (giai đoạn 2), hệ thống thu không dùng tiền mặt, thu tự động không dùng (giai đoạn 3) tại các chi nhánh Cảng HK,...

- Hoàn thiện các nội dung liên quan đến phương án huy động vốn cho Dự án Cảng HKQT Long Thành giai đoạn 1 – Dự án thành phần 3, Dự án Nhà ga hành khách T3 – Cảng HKQT Tân Sơn Nhất, Dự án Mở rộng Nhà ga hành khách T2 – Cảng HKQT Nội Bài.

- Thông qua Đề án tái cơ cấu ACV giai đoạn 2021-2025 trình ĐHĐCĐ và triển khai thực hiện.

- Ban hành một số chủ trương về việc đôn đốc, thu hồi công nợ quá hạn thanh toán.

- Xem xét việc vi phạm thanh toán của một số HHK để chuẩn bị công tác khởi kiện HHK vi phạm hợp đồng.

- Thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ.

- Xem xét và có ý kiến tài liệu hợp ĐHĐCĐ và báo cáo tài chính của các công ty có vốn góp của ACV để người đại diện biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

- Tổ chức lấy phiếu ý kiến sửa đổi điều lệ ACV.

2. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của ACV năng động và thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Tổ chức triển khai, thực hiện các nhiệm vụ của Đề án cơ cấu lại ACV giai đoạn 2021-2025; Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035; Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết của HĐQT.

- Tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT với chủ trương tiết kiệm và có hiệu quả.

- Tập trung nguồn lực hoàn thành đúng tiến độ các dự án trọng điểm: dự án thành phần 3 - Cảng HKQT Long Thành - Giai đoạn 1, dự án Nhà ga hành khách T3 - Cảng HKQT Tân Sơn Nhất, dự án Mở rộng nhà ga quốc tế T2 - Cảng HKQT Nội Bài; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án như Xây dựng nhà ga hành khách T2 Cảng HK Đồng Hới, xây dựng Nhà ga hành khách T2 Cảng HKQT Cát Bi, Mở rộng, nâng cấp Cảng HK Cà Mau,...

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị để triển khai ứng dụng VneID nhận diện sinh trắc học; thu phí tự động không dừng tại các các hàng không theo kế hoạch được phê duyệt; đảm bảo an toàn các hệ thống công nghệ thông tin.

- Tập trung thực hiện quyết toán dự án hoàn thành và đã thực hiện quyết toán vốn đầu tư 10 dự án.

- Xây dựng một số quy chế của ACV như: Quy chế Quản lý hoạt động mua sắm hàng hoá và dịch vụ Tổng công ty; Quy chế Quản lý chi tiêu nội bộ; Quy chế Thi đua-Khen thưởng; Quy chế Quản lý Đào tạo, huấn luyện; Quy chế về hoạt động giám sát, kiểm tra nội bộ; Quy chế trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, lãnh đạo Tổng công ty; Quy định về Quản lý hợp đồng để trình HĐQT

- Xây dựng hợp nhất bộ giá dịch vụ hàng không và phi hàng không trình HĐQT.

- Tập trung công tác đàm phán thu hồi công nợ các hãng hàng không trong nước và thực hiện ký kết các phụ lục tính lãi phạt trả chậm các dịch vụ phát sinh nợ quá hạn từ năm 2020 và ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng không với các HHK .

- Ký kết hợp đồng tín dụng với Tổ hợp ngân hàng hợp vốn Vietcombank, Vietinbank, BIDV cấp vốn cho Dự án thành phần 3 – Dự án đầu tư, xây dựng Cảng HKQT Long Thành giai đoạn 1.

- Lập các báo cáo tài chính hàng quý, soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và năm tài chính.

- Tiếp tục thực hiện kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước tại ACV; kết quả thực hiện kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước theo các báo cáo số 12/BC-PC&KTNB ngày 17/4/2025, số 122/BC-PC&KTNB ngày 22/7/2025, 221/BC-PCKTNB ngày 28/10/2025 và số 27/BC-PCKTNB ngày 29/01/2026.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

- Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành.

- Các ý kiến đóng góp về quy chế được HĐQT tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa nhằm mục đích phù hợp thực tế và đúng quy định.

- Một số kiến nghị của Ban kiểm soát về công tác quản lý được Ban điều hành tiếp thu.

- Một số ý kiến của Ban kiểm soát vẫn còn đang tiếp tục thực hiện như đơn đốc thu hồi công nợ cung cấp dịch vụ và thu tiền phạt chậm thanh toán, thu tiền tài sản đã bàn giao cho Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam từ năm 2017, thu hồi tiền ứng trước giải phóng mặt bằng tại nhà ga T2 – Cảng HKQT Nội bài, hoàn tất thủ tục thuê đất sân bay và quản lý sử dụng khai thác cơ sở nhà đất ngoài quy hoạch Cảng hàng không, thu tiền giá trị tài sản đầu tư nhà ga Phú quốc chuyển giao cho Ủy ban Nhân dân Đặc khu Phú Quốc, thu tiền nộp thừa Quỹ hỗ trợ phát triển và sắp xếp doanh nghiệp.

4. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2025

4.1. Ý kiến về Báo cáo tài chính năm 2025

- Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 của ACV được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Ban

Kiểm soát thống nhất ý kiến của Kiểm toán viên tại Báo cáo kiểm toán độc lập. Báo cáo tài chính tổng hợp và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của ACV cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Ban Kiểm soát cũng thống nhất các vấn đề cần nhấn mạnh của Kiểm toán viên đã nêu trong Báo cáo kiểm toán độc lập.

Theo đó số liệu Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán như sau :

a. Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị : tỷ đồng

Stt	Nội dung	BCTC Tổng hợp		BCTC Hợp nhất	
		31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024
I	Tổng tài sản	90.948	76.500	91.910	77.282
	- Tài sản ngắn hạn	26.834	40.565	26.970	40.695
	- Tài sản dài hạn	64.114	35.935	64.940	36.587
II	Tổng nợ phải trả	22.002	17.237	22.007	17.241
	- Nợ phải trả ngắn hạn	12.330	7.630	12.336	7.634
	- Nợ phải trả dài hạn	9.671	9.607	9.672	9.607
III	Vốn chủ sở hữu	68.946	59.263	69.902	60.041
	Trong đó vốn góp CSH	35.828	21.772	35.828	21.772

b. Kết quả kinh doanh:

Đơn vị : tỷ đồng

Stt	Nội dung	BCTC Tổng hợp	BCTC Hợp nhất
1	Tổng Doanh thu và thu nhập	22.626	22.789
2	Tổng chi phí	9.469	9.427
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.157	13.362
4	Lợi nhuận sau thuế	10.630	10.828

c. Chỉ tiêu tài chính:

Nội dung	BCTC Tổng hợp		BCTC Hợp nhất	
	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản	11,69%	13,40%	11,78%	13,50%
Lợi nhuận sau thuế trên NVCSH	15,42%	17,30%	15,49%	17,38%

(Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và không bao gồm Khu bay và bảo đảm an ninh hàng không chuyển giao từ ngày 01/3/2025 và các số liệu được làm tròn đến hàng triệu.)

4.2. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh:

ACV đã nỗ lực, chủ động trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh và đạt được những kết quả tích cực trong năm 2025. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông thông qua đã bao gồm hoạt động bảo đảm an ninh hàng không, kết quả kinh doanh của Tổng công ty đạt được như sau:

- Tổng doanh thu đạt 24.534 tỷ đồng đạt 110% so với kế hoạch là 22.239 tỷ đồng.
- Tổng chi phí đạt 11.061 đạt 94,5% so với kế hoạch là 11.708 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế 13.472 tỷ đồng đạt 128% so với kế hoạch là 10.531 tỷ đồng.

III. Báo cáo hợp đồng, giao dịch giữa ACV với Bên có liên quan

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ năm 2025	Tổng giá trị giao dịch năm 2025
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	5,95
			Mua dịch vụ	116,91
			Cổ tức	13,20
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	553,18
			Mua dịch vụ	41,88
			Cổ tức	184,00
3	Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	77,90
			Mua dịch vụ	3,29
			Cổ tức	8,22
4	Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	152,07
			Mua dịch vụ	12,45
			Cổ tức	40,32
5	Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	0,008
			Mua dịch vụ	0,60
6	Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	16,56
			Mua dịch vụ	2,03
7	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo dưỡng Máy bay Cảng Hàng không miền Nam	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	8,8
			Cổ tức	20,16

IV. Đánh giá hoạt động giám sát năm 2025

- Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ ACV và triển khai thực hiện một số nội dung của kế hoạch hoạt động năm 2025.

- Ban kiểm soát đã gửi các kiến nghị đến HĐQT liên quan đến việc giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 để ACV xem xét và thực hiện.

- Thông qua nội dung và kết quả giám sát năm 2025 Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Từng thành viên BKS đã tự đánh giá kết quả hoạt động giám sát và báo cáo Nhóm Người đại diện phần vốn Nhà nước tại ACV thông qua.

V. Kiến nghị

Ban Kiểm soát kiến nghị Tổng công ty:

- Tăng cường biện pháp mạnh mẽ và quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ theo hợp đồng đã ký kết đối với các khoản nợ quá hạn và khoản nợ khó có khả năng thu hồi của các Hãng hàng không trong nước như Bamboo Airways, Pacific Airlines và Vietravel và thu lãi phạt trả chậm thanh toán.

- Tiếp tục thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát.

PHẦN II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2026 bao gồm các nội dung chủ yếu như sau:

- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2026.

- Giám sát tình hình thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Giám sát công tác đầu tư, kế toán, tài chính.

- Thẩm định báo cáo tài chính.

- Giám sát hoạt động đầu tư vốn của ACV vào các doanh nghiệp khác.

Kế hoạch giám sát sẽ được từng thành viên Ban Kiểm soát xây dựng hàng quý theo phân công nhiệm vụ.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

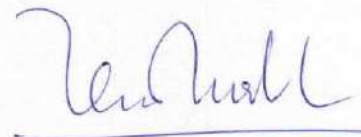
Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VT. BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Huỳnh Thị Diệu

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP;
- Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP;
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP và các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 như sau:

- 1. Thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP.**

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
1	Tổng giá trị tài sản	90.947.805.024.312
2	Vốn chủ sở hữu	68.946.189.222.541
3	Nợ phải trả	22.001.615.801.771

TT	Chỉ tiêu	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
4	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.901.292.494.209
5	Doanh thu hoạt động tài chính	1.235.992.969.011
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14.630.212.101.784
7	Lợi nhuận khác	573.277.579.062
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.203.489.680.846
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.267.729.907.885
	Trong đó:	
	- Lợi nhuận của ACV	10.630.299.972.038
	- Lợi nhuận từ hoạt động khai thác tài sản KCHTHK được Nhà nước giao quản lý	1.385.094.622.527
	- Lợi nhuận từ hoạt động bảo đảm ANHK	252.335.313.320

2. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP.

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
1	Tổng giá trị tài sản	91.909.790.961.051
2	Vốn chủ sở hữu	69.902.494.343.895
3	Nợ phải trả	22.007.296.617.156
4	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.897.650.051.823

TT	Chỉ tiêu	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
5	Doanh thu hoạt động tài chính	975.279.396.734
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14.833.845.403.451
7	Lợi nhuận khác	575.492.411.864
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.409.337.815.315
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.465.207.694.955
	Trong đó:	
	- Lợi nhuận của ACV	10.814.923.270.844
	- Lợi nhuận từ hoạt động khai thác tài sản KCHTHK được Nhà nước giao quản lý	1.385.094.622.527
	- Lợi nhuận từ hoạt động bảo đảm ANHK	252.335.313.320

3. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

- Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP;
- Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP;

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP và các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2025 như sau:

1. Thông qua phương án trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2025 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất	17.767.041.160.439
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính tổng hợp (Công ty mẹ)	16.867.103.273.296
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2024 chưa phân phối	6.234.106.616.360
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 chưa phân phối	10.630.299.972.038
4.1	Trích quỹ đầu tư phát triển	3.189.089.991.611

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VNĐ)
4.2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý	990.843.586.657
4.3	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối (= 4 - 4.1 - 4.2)	6.450.366.393.770
5	Tổng cộng lợi nhuận sau thuế còn lại của năm 2024 và 2025 chưa phân phối (= 3 + 4.3) (*)	12.684.473.010.130

() Hiện nay, ACV đang chờ ý kiến của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối của năm tài chính 2024 và năm tài chính 2025. Do đó, ACV sẽ thực hiện xin ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để thông qua nội dung này ngay sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền theo quy định.*

2. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua phương án trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2025 như báo cáo tại mục 1.

- Giao Hội đồng quản trị triển khai các bước tiếp theo theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

TỜ TRÌNH

V/v quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2025 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025 về quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính Phủ quy định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước (gọi tắt là Nghị định 44) và Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/04/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính Phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước (gọi tắt là Nghị định 248);

Căn cứ Quy chế trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với NQL, lãnh đạo ACV ban hành theo Quyết định số 646/QĐ-HĐQT ngày 04/12/2025 (gọi tắt là Quy chế 646);

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP là công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước. Theo đó, Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2025 của Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên được xác định theo Nghị định 44 và Nghị định 248 (07 tháng đầu năm xác định theo Nghị định 44, 05 tháng cuối năm xác định theo Nghị định 248 và Quy chế 646), Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên được xác định theo Nghị định số 248 và Quy chế 646, cụ thể số liệu như sau:

1. Đối với quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên năm 2025:

+ Quỹ tiền lương: **15.086.371.764** đồng

+ Quỹ tiền thưởng: **2.611.671.499** đồng

Quỹ tiền lương và tiền thưởng trên được xác định theo từng chức danh của Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên (tính bình quân số người theo tháng) gồm: 5,167 thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và 1,917 Kiểm soát viên chuyên trách theo quy định của Nghị định 44, Nghị định 248 và Quy chế 646.

2. Đối với quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên năm 2026:

+ Quỹ tiền lương: **16.500.000.000** đồng (được xác định theo từng chức danh của Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên gồm: **6** thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và **2** Kiểm soát viên chuyên trách theo quy định của Nghị định 248 và Quy chế 646).

+ Quỹ thù lao: **113.750.000** đồng (được xác định cho 1 thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc theo quy định của Nghị định 248 và Quy chế 646, thời gian tính là 07 tháng cuối năm 2026).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính các năm 2026 của
Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP.

Ban kiểm soát Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phương án lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2026 như sau:

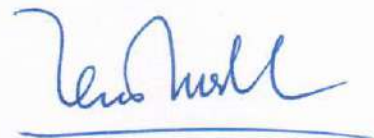
Từ nhiều năm qua ACV đã thực hiện lựa chọn các Công ty kiểm toán phù hợp để thực hiện soát xét báo cáo tài chính hàng năm, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định về việc lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính các năm 2026 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP với các tiêu chí sau:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng Việt Nam.
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán.
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Đáp ứng yêu cầu của Tổng công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán.
- Có mức phí phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua!

Trân trọng cảm ơn!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Huỳnh Thị Diệu

TỜ TRÌNH

V/v: **Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông TCT Cảng HKVN - CTCP

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 (Luật 68) và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam,

Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP, cụ thể như sau:

1. Cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Căn cứ các quy định mới của pháp luật (Luật sửa đổi, bổ sung Luật doanh nghiệp; Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành).

- Căn cứ thực tế quản trị, điều hành tại Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung:

2.1. Điều lệ ACV:

Nội dung sửa đổi, bổ sung tập trung vào việc cập nhật theo quy định của pháp luật hiện hành cũng như đảm bảo tính linh hoạt trong công tác quản trị, nhân sự và định hướng phát triển của ACV trong thời gian tới.

2.2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ACV:

Nội dung sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật mới và mô hình, nhân sự của Hội đồng quản trị và các cơ quan tham mưu giúp việc Hội đồng quản trị sau khi được kiện toàn.

2.3. Các nội dung khác của Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị không được sửa đổi, bổ sung vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

3. Tổ chức thực hiện:

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt: giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành toàn văn Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

(Đính kèm Dự thảo Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP)

Trân trọng kính trình./.

ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG
VIỆT NAM – CTCP

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	6
CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	6
MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	6
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	6
MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ACV	8
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của ACV	8
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của ACV.....	8
Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của ACV.....	10
MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ACV	10
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của ACV.....	10
Điều 6. Mục tiêu hoạt động của ACV	10
CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	11
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần	11
Điều 8. Chào bán cổ phần.....	11
Điều 9. Mua lại cổ phần theo quyết định của ACV.....	12
Điều 10. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.....	13
Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần	13
Điều 12. Thừa kế, tặng cho cổ phần	13
Điều 13. Chứng nhận cổ phiếu	14
Điều 14. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	14
Điều 15. Trả cổ tức	14
Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông.....	15
CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	16
MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC	16
Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	16
MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	16
Điều 18. Quyền của cổ đông.....	16
Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông.....	18
Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.....	19
Điều 21. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức	20

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 24. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 25. Thay đổi các quyền	25
Điều 26. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 28. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 29. Điều kiện đề nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	30
Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	31
Điều 31. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	33
MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	34
Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	34
Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	35
Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	35
Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	36
Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	36
Điều 38. Chủ tịch Hội Đồng quản trị.....	39
Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	40
Điều 40. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	41
Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	43
Điều 42. Các tiểu ban, cơ quan giúp việc thuộc Hội đồng quản trị.....	43
Điều 43. Người phụ trách quản trị công ty	43
MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	44
Điều 44. Tổ chức bộ máy quản lý.....	44
Điều 45. Người điều hành ACV	44
Điều 46. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	45
Điều 47. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc:.....	46
MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT ACV	47

Điều 48. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	47
Điều 49. Thành phần Ban kiểm soát.....	47
Điều 50. Trưởng Ban kiểm soát.....	48
Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	48
Điều 52. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	49
Điều 53. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên.....	49
MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	50
Điều 54. Trách nhiệm của người quản lý ACV.....	50
Điều 55. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	51
Điều 56. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này.....	52
Điều 57. Công khai lợi ích có liên quan.....	53
Điều 58. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	55
MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ ACV.....	55
Điều 59. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	55
MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	56
Điều 60. Công nhân viên và công đoàn.....	56
CHƯƠNG IV: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ACV VÀ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA ACV TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC.....	56
MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ACV.....	56
Điều 61. Cơ cấu tổ chức của ACV.....	56
MỤC 2: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA ACV TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC.....	57
Điều 62. Quản lý phần vốn của ACV đầu tư tại doanh nghiệp khác.....	57
CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH ACV.....	57
MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	57
Điều 63. Phân phối lợi nhuận.....	57
MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	58
Điều 64. Tài khoản ngân hàng.....	58
Điều 65. Năm tài chính.....	58
Điều 66. Chế độ kế toán.....	58
MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	59
Điều 67. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	59

Điều 68. Báo cáo thường niên	59
Điều 69. Công khai thông tin.....	59
MỤC 4: KIỂM TOÁN	59
Điều 70. Kiểm toán	60
MỤC 5: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	60
Điều 71. Dấu của doanh nghiệp.....	60
MỤC 6: GIẢI THỂ ACV	60
Điều 72. Giải thể ACV.....	60
Điều 73. Thanh lý	60
MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	61
Điều 74. Giải quyết tranh chấp nội bộ	61
MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	62
Điều 75. Điều lệ ACV	62
MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC	62
Điều 76. Ngày hiệu lực	62

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP ngày tháng ... năm, theo các Nghị quyết số:

- Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/7/2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP;
- Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/01/2025 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP;
- Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/5/2025 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP;
- Nghị quyết số 401/NQ-HĐQT ngày 15/8/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tại ngày 31/12/2023;
- Nghị quyết số /NQ-ĐHĐCĐ ngày của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP,

Các văn bản sửa đổi Điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) “ACV” là Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP;
 - b) “Ngày thành lập” là ngày ACV được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần;
 - c) “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý ACV, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
 - d) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của ACV;
 - đ) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của ACV;
 - e) “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này;
 - g) “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

h) “*Cổ phần đã bán*” là cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đầy đủ cho ACV;

i) “*Cổ phần được quyền chào bán*” là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn;

k) “*Cổ phần chưa bán*” là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho ACV;

l) “*Công ty con*” là công ty thuộc một trong các trường hợp sau:

(i) ACV sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;

(ii) ACV có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đó;

(iii) ACV có quyền quyết định việc sửa đổi bổ sung điều lệ của công ty đó.

m) “*Công ty liên kết*” là công ty có cổ phần, vốn góp dưới mức chi phối của ACV và công ty con; công ty không có vốn góp của ACV và công ty con, tự nguyện tham gia liên kết dưới hình thức hợp đồng liên kết và có mối quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường, các dịch vụ khác với ACV hoặc công ty con;

n) “*Cổ phiếu*” là chứng chỉ do ACV phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của ACV;

o) “*Đại hội đồng cổ đông*” gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của ACV;

p) “*Hội đồng quản trị*” là Hội đồng quản trị của ACV;

q) “*Ban kiểm soát*” là Ban kiểm soát của ACV;

r) “*Tổng giám đốc*” là Tổng giám đốc của ACV;

s) “*Đơn vị phụ thuộc*” là chi nhánh, văn phòng đại diện của ACV;

t) “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế;

u) “*Luật Chứng khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế;

v) “*Sở giao dịch chứng khoán*” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

x) “*Người có liên quan*” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

y) “*Sổ đăng ký cổ đông*” là tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này;

aa) “*Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành*” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

bb) “*Việt Nam*” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

cc) “*Pháp luật*” là hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung mà không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Bộ luật dân sự và Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ACV

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của ACV

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM – CTCP.
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: AIRPORTS CORPORATION OF VIETNAM.
- Tên Công ty viết tắt: ACV

2. ACV là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: 58 Trường Sơn, phường Tân Sơn Hòa, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.28) 38485383
- Fax: (84.28) 38445127
- Website: <https://vietnamairport.vn/>

4. ACV có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của ACV phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 72 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của ACV là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của ACV

1. Người đại diện theo pháp luật của ACV là cá nhân đại diện cho ACV thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của ACV, đại diện cho ACV với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. ACV có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b) Tổng giám đốc.

3. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

a) Tổng giám đốc đại diện cho ACV đối với các vấn đề do Tổng giám đốc quyết định theo thẩm quyền, theo phân cấp quản trị nội bộ của ACV.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện cho ACV đối với các vấn đề do Hội đồng quản trị quyết định và các vấn đề khác ngoài quy định tại điểm a khoản này.

4. Trường hợp người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người ủy quyền vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người đại diện theo pháp luật trở lại làm việc tại ACV hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của ACV.

5. Trường hợp một trong hai Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật tương ứng hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc không còn làm việc cho ACV hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Khoản 4 Điều 38, Khoản 6 và 7 Điều 46 thì người đại diện theo pháp luật còn lại thực hiện toàn bộ quyền và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của ACV.

Trường hợp cả hai người đại diện theo pháp luật đều lâm vào tình trạng nêu trên tại cùng một thời điểm thì Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm

người đại diện theo pháp luật của ACV cho đến khi kiện toàn chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc.

6. Đối với các trường hợp khác có tác động tiêu cực đến công tác Người đại diện theo pháp luật của ACV (bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau: một hoặc cả hai Người đại diện theo pháp luật không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; xuất cảnh khỏi Việt Nam nhưng không thực hiện ủy quyền; ...), Hội đồng quản trị sẽ xem xét, quyết định điều chỉnh phân công giữa hai người đại diện hoặc cử nhân sự thay thế.

Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của ACV

1. Người đại diện theo pháp luật của ACV có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của ACV;

b) Trung thành với lợi ích của ACV; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của ACV để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ACV về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Người đại diện theo pháp luật của ACV chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho ACV do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.

MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ACV

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của ACV

ACV được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp ACV kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ACV phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

Điều 6. Mục tiêu hoạt động của ACV

1. Ngành, nghề kinh doanh của ACV được quy định cụ thể tại Phụ lục 1 đính kèm Điều lệ này. Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ.

2. Mục tiêu hoạt động của ACV:

Phát triển ACV là doanh nghiệp có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao; kinh doanh đa ngành theo quy định của pháp luật, trong đó, đầu tư, xây dựng, quản lý khai thác cảng hàng không, sân bay là ngành kinh doanh chính; gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học công nghệ, nghiên cứu khai thác, đào tạo; có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế; là một nòng cốt để ngành công nghiệp hàng không Việt Nam phát triển bền vững, có khả năng cạnh tranh, hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả và đảm bảo an ninh, an toàn hàng không, an ninh - quốc phòng, góp phần vào sự phát triển của đất nước.

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của ACV là 35.828.475.230.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm nghìn, tám trăm hai mươi tám tỷ, bốn trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của ACV được chia thành 3.582.847.523 cổ phần (Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm tám mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi bảy ngàn, năm trăm hai mươi ba cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Bằng chữ: Mười nghìn đồng).

2. ACV có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của ACV là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 18, Điều 19 Điều lệ này.

4. ACV có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong ACV, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của ACV quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. ACV có thể mua cổ phần do chính ACV đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. ACV có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc ACV tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.
2. Hình thức chào bán cổ phần:
 - a) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
 - b) Chào bán cổ phần riêng lẻ;
 - c) Chào bán cổ phần ra công chúng.
3. Chào bán cổ phần của ACV thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
4. ACV thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 9. Mua lại cổ phần theo quyết định của ACV

ACV có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
3. ACV có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong ACV theo trình tự, thủ tục sau đây:
 - a) Quyết định mua lại cổ phần của ACV phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của ACV, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá trị mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho ACV;
 - b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được ACV trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán, chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. ACV chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nói trên.
4. Ngoài các quy định nêu trên, việc ACV mua lại cổ phần còn phải thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán.

5. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

Điều 10. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại ACV hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu ACV mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu ACV mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến ACV trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. ACV phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. ACV giới thiệu ít nhất 03 tổ chức định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Luật Chứng khoán.

Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Thừa kế, tặng cho cổ phần

1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của ACV.

2. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại ACV cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của ACV.

4. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này và Điều 11 Điều lệ này chỉ trở thành cổ đông ACV từ thời điểm các thông tin của họ

được quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 13. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của ACV được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của ACV hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của ACV (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho ACV chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được ACV cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 14. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của ACV được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của ACV.

Điều 15. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của ACV. ACV chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- b) Đã trích lập các quỹ và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;
- c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, ACV vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của ACV hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 135 Luật Doanh nghiệp.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ ACV.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, ACV không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này và Điều 124, 125 Luật Doanh nghiệp. ACV phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông ACV.

2. Sổ đăng ký cổ đông bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của ACV;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của ACV hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông ACV trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với ACV để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. ACV không chịu trách nhiệm về việc

không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của ACV bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Tổng giám đốc.

MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong ACV;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ ACV, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi ACV giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ACV;
 - h) Yêu cầu ACV mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp ACV có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do ACV công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của ACV;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của ACV khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của ACV; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến ACV chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Đối với yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật doanh nghiệp, ngoài các văn bản nêu trên, phải kèm theo yêu cầu có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc

về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi ACV dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được ACV hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong ACV phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của ACV trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ ACV và quy chế quản lý nội bộ của ACV.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được ACV cung cấp theo quy định tại Điều lệ ACV và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được ACV cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh ACV dưới mọi hình thức đề thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với ACV.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của tổ chức là cổ đông của ACV thực hiện theo quy định sau đây:

a) Sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 01 (một) người đại diện theo ủy quyền;

b) Sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 02 (hai) người đại diện theo ủy quyền;

c) Sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 (ba) người đại diện theo ủy quyền;

d) Sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 04 (bốn) người đại diện theo ủy quyền;

đ) Sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 (năm) người đại diện theo ủy quyền;

e) Sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 06 (sáu) người đại diện theo ủy quyền;

g) Sở hữu từ 70% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 07 (bảy) người đại diện theo ủy quyền.

3. Trong trường hợp cử nhiều người đại diện phân vốn theo ủy quyền thì cổ đông phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện phân vốn theo ủy quyền.

4. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho ACV và chỉ có hiệu lực đối với ACV kể từ ngày ACV nhận được văn bản. Văn bản cử người

đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu được quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp. Việc cử và nội dung văn bản cử người đại diện phần vốn nhà nước tại ACV được thực hiện theo quy định của pháp luật và của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Tiêu chuẩn và điều kiện khác đối với người đại diện phần vốn nhà nước tại ACV thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 21. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

2. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền, nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông cử đại diện.

3. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của ACV. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ ACV, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của ACV có

các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, ACV phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của ACV dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của ACV.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của ACV;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của ACV, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của ACV khi xét thấy cần thiết;
- i) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của ACV;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này có quyền đại diện ACV triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được ACV hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của ACV;
b) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ ACV;
c) Quyết định tổ chức lại, giải thể ACV;
d) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

đ) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

e) Quyết định từng dự án đầu tư, khoản đầu tư có mức vốn đầu tư có giá trị trên 5.000 tỷ; Hoặc trong trường hợp dưới 5.000 tỷ nhưng có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định.

e1) Quyết định chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư có giá trị trên 5.000 tỷ; Hoặc trong trường hợp dưới 5.000 tỷ nhưng có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu hoặc

trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định.

e2) Quyết định mua, thuê mua tài sản cố định có giá trị trên 5.000 tỷ; Hoặc trong trường hợp dưới 5.000 tỷ nhưng có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định.

e3) Quyết định bán tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn có giá trị trên 5.000 tỷ; Hoặc trong trường hợp dưới 5.000 tỷ nhưng có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định bán tài sản cố định tính trên một đơn vị tài sản hoặc một đơn vị là hệ thống tài sản.

g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho ACV và cổ đông ACV;

i) Quyết định tổng mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Thông qua Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

l) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo kiểm toán tài chính của ACV hằng năm; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của ACV, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của ACV;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của ACV, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;

- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ ACV;
 - m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi ACV;
 - o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) ACV và chỉ định người thanh lý;
 - p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị trên 5.000 tỷ; Hoặc trong trường hợp dưới 5.000 tỷ nhưng có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định.
 - p1) Quyết định chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư có giá trị trên 5.000 tỷ; Hoặc trong trường hợp dưới 5.000 tỷ nhưng có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định.
 - p2) Quyết định mua, thuê mua tài sản cố định có giá trị trên 5.000 tỷ; Hoặc trong trường hợp dưới 5.000 tỷ nhưng có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định.
 - p3) Quyết định bán tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn có giá trị trên 5.000 tỷ; Hoặc trong trường hợp dưới 5.000 tỷ nhưng có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định bán tài sản cố định tính trên một đơn vị tài sản hoặc một đơn vị là hệ thống tài sản.
 - q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) ACV ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của ACV được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với ACV).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp ACV nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 25. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 26, 27 và Điều 28 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 26. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. ACV phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của ACV và Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của ACV niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của ACV. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến ACV ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề đưa vào chương trình cuộc họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 28. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, ACV phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, ACV cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung cuộc họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong

trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp ACV áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, ACV có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 29. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

2. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ ACV.

Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của ACV, bao gồm cả các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ACV;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về ACV phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến ACV bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về ACV phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về ACV phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về ACV sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý ACV. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ACV;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của ACV trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của ACV.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của ACV.

Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ ACV, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, ACV phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của ACV để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của ACV nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới ACV và các bên có liên quan của ACV;
- e) Các thông tin khác (nếu có);
- g) ACV phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới ACV của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết dưới đây có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị như sau:

- a) Từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;
- b) Từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
- c) Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
- d) Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
- đ) Từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
- e) Từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên.

g) Từ 70% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều 35 Điều lệ này.

Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 05 (năm) đến 07 (bảy) thành viên. Số lượng cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 01 (một) thành viên không điều hành trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) thành viên; 02 (hai) thành viên không điều hành trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị là từ 06 (sáu) đến 07 (bảy) thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của ACV;

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

4. Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của ACV.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Điều lệ này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a) Vi phạm quy định của pháp luật đến mức bị truy tố;
- b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý ACV, có toàn quyền nhân danh ACV để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của ACV, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của ACV; Quyết định danh mục các dự án đầu tư của ACV;

c) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

d) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

đ) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của ACV;

e) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng;

g) Quyết định giá mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

h) Quyết định từng dự án đầu tư, khoản đầu tư có mức vốn đầu tư có giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu, nhưng không quá 5.000 tỷ. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định.

h1) Quyết định chuyên nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư có giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu, nhưng không quá 5.000 tỷ. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định.

i) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

k) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của ACV trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

k1) Quyết định mua, thuê mua tài sản cố định có giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu, nhưng không quá 5.000 tỷ. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định.

k2) Quyết định bán tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn có giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu, nhưng

không quá 5.000 tỷ. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định bán tài sản cố định tính trên một đơn vị tài sản hoặc một đơn vị là hệ thống tài sản.

l) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành của ACV và các chức danh quản lý khác theo quy chế quản lý nội bộ của ACV; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;

m) Cử người đại diện vốn của ACV tại doanh nghiệp khác; cử người đại diện vốn của ACV tham gia hoặc ứng cử thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác; cử người đại diện theo uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

n) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của ACV;

o) Quyết định thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản, tăng hoặc giảm hoặc chuyển nhượng vốn điều lệ công ty con do ACV sở hữu 100% vốn điều lệ; Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch, Thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc các công ty này;

p) Quyết định các trường hợp đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, tăng hoặc giảm vốn góp của ACV tại doanh nghiệp khác;

q) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị trực thuộc, văn phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ của ACV, các Tiểu ban, cơ quan giúp việc thuộc Hội đồng quản trị;

r) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của ACV;

s) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

t) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

u) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

v) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể ACV; yêu cầu phá sản ACV;

x) Thông qua việc định giá các tài sản góp vào ACV không phải bằng tiền;

y) Phê duyệt việc vay nợ, cho vay, cho thuê tài sản và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của ACV; Xử lý tài chính các khoản nợ của ACV;

aa) Giải quyết các khiếu nại của ACV đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của ACV để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

bb) Chỉ định và bãi nhiệm những người được ACV ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của ACV;

cc) Phê duyệt các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

dd) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ ACV và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ ACV gây thiệt hại cho ACV thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho ACV; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Điều lệ này;

b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo các giao dịch giữa ACV, công ty con, công ty do ACV nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa ACV với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

đ) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;

e) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;

g) Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 38. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - đ1) Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ này và theo Quy chế nội bộ của ACV;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Trường hợp phải bầu người thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị khi chưa hết nhiệm kỳ theo quy định của pháp luật thì Hội đồng quản trị phải thực hiện bầu thay thế trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. ACV có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao và thưởng. Tổng mức tiền lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Tiền lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của ACV theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của ACV và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được ACV mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ ACV.

Điều 40. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của ACV hoặc ở nơi khác.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với ACV; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ ACV quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại ACV.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Ký Biên bản họp Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không tham dự có lý do chính đáng.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức bằng điện thoại hội đàm trực tuyến (video, tele-conference) giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện thông tin liên lạc khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu người điều hành doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của ACV.

2. Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 42. Các tiểu ban, cơ quan giúp việc thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban hoặc các cơ quan giúp việc cho Hội đồng quản trị để thực hiện công tác giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban, cơ quan giúp việc thuộc Hội đồng quản trị phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc hoặc các cơ quan giúp việc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ ACV, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 43. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của ACV phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại ACV. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của ACV.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa ACV và cổ đông;

- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của ACV;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 44. Tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của ACV chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của ACV. ACV có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 45. Người điều hành ACV

1. Người điều hành ACV bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Phó Tổng giám đốc là người trợ giúp Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của ACV theo sự phân công, ủy quyền của Tổng giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công, ủy quyền.

Số lượng Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc.

3. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của ACV, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng không được kiêm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc.

4. Người điều hành được trả lương, thù lao và thưởng. Tiền lương, thù lao và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

5. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của ACV theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của ACV và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 46. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của ACV; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ ACV.

4. Tổng giám đốc không đồng thời kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản lý, kiểm soát, điều hành nào tại doanh nghiệp khác.

5. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của ACV mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của ACV;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ và thực hiện thẩm quyền ban hành các văn bản quản lý nội bộ theo phân cấp tại quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành; ban hành quy định quản lý nội bộ để vận hành hệ thống tổ chức điều hành của ACV;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong ACV, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong ACV, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động theo kế hoạch tuyển dụng sử dụng lao động đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt ACV ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ

chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của ACV theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

k) Thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hợp lý và hoạt động có hiệu quả;

l) Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp bất khả kháng, khẩn cấp (như thiên tai, hỏa hoạn hay sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ ACV và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ này;

b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ACV trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 (bốn mươi lăm) ngày;

7. Tổng giám đốc có thể bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính, tình hình kinh doanh của ACV;

c) Có tình vi phạm hoặc vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ ACV, chế độ quản lý tài chính và các quy chế quản lý nội bộ khác; vi phạm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ACV gây hậu quả nghiêm trọng;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

8. Trong trường hợp Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 6 và 7 Điều này, Hội đồng quản trị cử người khác để điều hành hoạt động hàng ngày của ACV cho đến khi bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

9. Trường hợp Tổng giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, và Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều lệ này để đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc.

Điều 47. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc:

Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Là cư dân thường trú tại Việt Nam;

2. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không phải là cá nhân không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
3. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh; phải có kinh nghiệm ít nhất 03 năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của ACV;
4. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;
5. Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý ACV, Kiểm soát viên của ACV, người đại diện phần vốn nhà nước tại ACV.

MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT ACV

Điều 48. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 33 Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết dưới đây có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát như sau:
 - a) Từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;
 - b) Từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
 - c) Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
 - d) Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
 - đ) Từ 50% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều này.

Điều 49. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của ACV tối thiểu là 03 (ba) người và không quá 05 (năm) người, số lượng Kiểm soát viên cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của ACV;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của ACV trong 03 năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ ACV;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 50. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên và phải làm việc chuyên trách tại ACV; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của ACV.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của ACV; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của ACV, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của ACV, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ ACV của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của ACV lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của ACV trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của ACV.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 53. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của ACV theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của ACV.

MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của ACV.

Điều 54. Trách nhiệm của người quản lý ACV

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của ACV;

c) Trung thành với lợi ích của ACV và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của ACV để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ACV về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 57 của Điều lệ này.

đ) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ ACV.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo Điều lệ này và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của ACV;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa ACV, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa ACV với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của ACV theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho ACV và bên thứ ba.

Điều 55. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của ACV.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa ACV, công ty con, công ty khác do ACV nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, ACV phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ ACV.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa ACV với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 56. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. ACV không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. ACV không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân hoặc tổ chức.

3. ACV chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa ACV với một trong các đối tượng sau:

(i) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người có liên quan của các đối tượng này;

- (ii) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của ACV và những người có liên quan của họ;
- (iii) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Điều lệ này.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa ACV và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

d) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa ACV với một trong các đối tượng quy định tại điểm b khoản 3 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của ACV trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm c khoản 3 Điều này. Trường hợp này, người đại diện ACV ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và phải gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

5. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện ACV ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 29 và khoản 8 Điều 30 của Điều lệ này.

6. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho ACV khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

7. ACV phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 57. Công khai lợi ích có liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của ACV thực hiện theo quy định sau đây:

1. ACV phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của ACV theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với ACV;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của ACV phải kê khai cho ACV về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với ACV trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) ACV phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của ACV; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của ACV;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) ACV phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định của ACV.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của ACV đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về ACV.

Điều 58. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. ACV bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do ACV là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được ACV ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của ACV, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của ACV trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. ACV có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ ACV

Điều 59. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ ACV, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của ACV.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của ACV, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của ACV vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. ACV phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ ACV phải được công bố trên trang thông tin điện tử của ACV.

MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 60. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của ACV với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của ACV và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ACV VÀ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA ACV TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ACV

Điều 61. Cơ cấu tổ chức của ACV

1. ACV được tổ chức theo hệ thống thống nhất, bao gồm:
 - a) Trụ sở chính;
 - b) Các Đơn vị trực thuộc;
 - c) Các Công ty con;
 - d) Các Công ty liên kết.

2. ACV có thể thành lập các Đơn vị trực thuộc, đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết ở trong nước và ngoài nước để hỗ trợ hoạt động của ACV theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và trong phạm vi pháp luật cho phép.

MỤC 2: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA ACV TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 62. Quản lý phần vốn của ACV đầu tư tại doanh nghiệp khác

1. Quyền và nghĩa vụ của ACV đối với các Công ty con, Công ty liên kết thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. ACV ủy quyền cho người đại diện phần vốn góp của ACV trực tiếp thay mặt ACV quản lý các khoản đầu tư của ACV tại các Công ty con, Công ty liên kết. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn góp của ACV tại Công ty con, Công ty liên kết được quy định tại quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH ACV

MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 63. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của ACV.

2. ACV không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, ACV phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp ACV đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, ACV không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền ACV đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ

theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Hàng năm, ACV sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:

- a) Bù đắp lỗ các năm trước (nếu có);
- b) Trích lập quỹ đầu tư phát triển;
- c) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- d) Trích lập quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ban điều hành và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- đ) Trả cổ tức cho cổ đông theo quy định tại Điều lệ này.

7. Tỷ lệ trích các quỹ trên do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề xuất của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 64. Tài khoản ngân hàng

1. ACV mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, ACV có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. ACV tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà ACV mở tài khoản.

Điều 65. Năm tài chính

Năm tài chính của ACV bắt đầu từ ngày 01 (mùng một) tháng 01 (tháng một) và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) dương lịch hàng năm.

Điều 66. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán ACV sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp.
2. ACV lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của ACV.
3. ACV sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp ACV có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn

ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 67. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. ACV phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. ACV công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của ACV.

3. ACV phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 68. Báo cáo thường niên

ACV phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 69. Công khai thông tin

1. ACV phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. ACV công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:

- a) Điều lệ ACV;
- b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc;
- c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. ACV thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

MỤC 4: KIỂM TOÁN

Điều 70. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của ACV cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của ACV.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của ACV được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của ACV.

MỤC 5: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 71. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của ACV, chi nhánh, văn phòng đại diện của ACV (nếu có).

3. Quản lý và sử dụng con dấu: Quy định nội bộ về sử dụng con dấu được ACV quy định cụ thể, trong đó xác định các chức danh quản lý, chức danh điều hành và các trường hợp được sử dụng con dấu của ACV và chi nhánh.

MỤC 6: GIẢI THỂ ACV

Điều 72. Giải thể ACV

1. ACV có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể ACV do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 73. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể ACV, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của ACV hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được ACV ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của ACV.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt ACV trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý ACV trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của ACV;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a) đến d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 74. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của ACV, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ ACV, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với ACV;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án hoặc Trọng tài được thực hiện theo phán quyết của Tòa án hoặc Trọng tài.

MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 75. Điều lệ ACV

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của ACV chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của ACV.

MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 76. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 5 chương, 76 điều được Đại hội đồng cổ đông ACV nhất trí thông qua ngày 27 tháng 7 năm 2021 tại Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này; được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/7/2021 của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/01/2025 của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/5/2025 của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết số 401/NQ-HĐQT ngày 15/8/2025 của Hội đồng quản trị; Nghị quyết số /NQ-ĐHĐCĐ ngày /6/2026 của Đại hội đồng cổ đông

2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của ACV.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của ACV.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ ACV có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Lê Văn Khiên

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH CÁC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA ACV

Danh sách các ngành, nghề kinh doanh của ACV theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Điều lệ này như sau:

STT	Ngành nghề	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không Chi tiết: Đầu tư, quản lý vốn đầu tư, trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các cảng hàng không, sân bay; Đầu tư, khai thác kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị cảng hàng không, sân bay; Cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không; Cung ứng các dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; Xuất nhập khẩu, mua bán bán vật tư, phụ tùng, thiết bị hàng không; Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch, các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; Cung ứng dịch vụ thương nghiệp, bán hàng miễn thuế; các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay; Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay. Dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa, kho hàng hóa; giao nhận hàng hóa; nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ.	5223 (Chính)
2	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở).	3822
3	Quảng cáo.	7310
4	Hoạt động trung gian tiền tệ khác. Chi tiết: Đại lý thu đổi ngoại tệ tại các nhà ga hành khách cảng hàng không.	6419
5	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Cung ứng xăng dầu hàng không bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn, chất lỏng chuyên dùng và xăng dầu khác tại cảng hàng không, sân bay (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn).	4671
6	Lắp đặt hệ thống điện.	4321
7	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4329
8	Hoàn thiện công trình xây dựng.	4330

9	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.	4390
10	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510
11	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.	5610
12	Đại lý lữ hành	7911
13	Điều hành tua du lịch (không hoạt động tại trụ sở).	7912
14	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không.	5224
15	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
16	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt).	4931
17	Vận tải hành khách đường bộ khác.	4932
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).	5229
19	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Khai thác, xử lý và phân phối nước cho nhu cầu gia dụng (không hoạt động tại trụ sở).	3600
20	Bán lẻ thực phẩm	4722
21	Bán lẻ đồ uống	4723
22	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da	4771
23	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	4772
24	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ)	4773
25	Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4761
26	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
27	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác	7020
28	Hoạt động vui chơi giải trí khác	9329
29	Dịch vụ spa và xông hơi	9623
30	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9610
31	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô; xe, thiết bị chuyên dụng phục vụ mặt đất tại Cảng hàng không, sân bay; xe có động cơ khác.	7710
32	Thoát nước và xử lý nước thải	3700

	(không hoạt động tại trụ sở).	
33	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở).	3821
34	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn	4711
35	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.	8559
36	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa đường băng, đường lăn sân đậu, đường dẫn vào nhà ga hành khách, đường nội Cảng hàng không, sân bay.	4212
37	Hoạt động liên quan đến du lịch khác	7990
38	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo	3511
39	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo	3512
40	Truyền tải và phân phối điện	3513
41	Hoạt động công tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác	6390
42	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4322
43	Đào tạo trung cấp (không hoạt động tại trụ sở).	8532
44	Đào tạo sơ cấp (không hoạt động tại trụ sở).	8531
45	Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở).	8533
46	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng.	5621
47	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nâng, hạ tầng kỹ thuật tại Cảng hàng không, sân bay.	7730
48	Bán lẻ tổng hợp khác	4719
49	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.	7110
50	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

51	Chuyển phát	5320
52	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
53	Xuất bản phần mềm khác	5829
54	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan	6310
55	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
56	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
57	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
58	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu	7499
59	Sản xuất linh kiện điện tử khác	2619
60	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
61	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
62	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác	6290
63	Lập trình máy tính khác	6219
64	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4671
65	Bán lẻ nhiên liệu động cơ	4730
66	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
67	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng	8210
68	Dịch vụ đóng gói	8292
69	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
70	Cung ứng lao động tạm thời	7821
71	Cung ứng nguồn nhân lực khác	7822
72	Hoạt động cho thuê tài chính	6491
73	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí)	6499
74	Quản lý thị trường tài chính	6611
75	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán	6612
76	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
77	Hoạt động viễn thông có dây, không dây và vệ tinh	6110

78	Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông và dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông	6120
79	Hoạt động dịch vụ trung gian cho vận tải hàng hóa	5231
80	Hoạt động dịch vụ trung gian cho vận tải hành khách	5232
81	Dịch vụ điều tra và hoạt động bảo vệ tư nhân	8011
82	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
83	Dịch vụ vệ sinh khác	8129
84	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
85	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao	4762
86	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
87	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
88	Xây dựng nhà không để ở	4102
89	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc Chi tiết: Hoạt động cá cược và đánh bạc	9200
90	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm	6622
91	Vận tải hành khách hàng không	5110
92	Vận tải hàng hóa hàng không	5120
93	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
94	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
95	Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan	3030
96	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
97	In ấn	1811
98	Xây dựng nhà để ở	4101
99	Hoạt động viễn thông khác	6190
100	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
101	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác	8569
102	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình	5911
103	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình	5913
104	Bưu chính	5310

105	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
106	Dịch vụ ăn uống khác	5629

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2026

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM – CTCP**

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung hoặc thay thế;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung hoặc thay thế;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP (ACV);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm... thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ ACV và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm phát huy vai trò tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân của các thành viên Hội đồng quản trị. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về lĩnh vực

được phân công nhiệm vụ và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị được xây dựng theo các kỳ họp và hàng năm phù hợp quy định của Điều lệ ACV, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ, đột xuất để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ ACV quy định.

3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ ACV, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của ACV và của các đơn vị trong ACV.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ ACV và các nghĩa vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ được phân công của mình trước Hội đồng quản trị; thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ ACV và các nhiệm vụ khác được Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của ACV. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan bằng văn bản và báo cáo kết quả cho Chủ tịch Hội đồng quản trị;

c) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận; yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ ACV và pháp luật (nếu xét thấy cần thiết);

d) Trung thành với lợi ích của ACV và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của ACV, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của ACV để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

đ) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

e) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa ACV, công ty con, công ty khác do ACV nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa ACV với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

g) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của ACV theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ ACV.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong ACV cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của ACV và của đơn vị trong ACV.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 05 (năm) đến 07 (bảy) thành viên. Số lượng cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của ACV và không nhất thiết phải là cổ đông của ACV;

3. Thành viên Hội đồng quản trị ACV có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình với người quản lý của ACV, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của ACV.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị ACV không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Thay mặt Hội đồng quản trị ký hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một trong số các thành viên Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ ACV;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Trực tiếp hoặc phân công thành viên Hội đồng quản trị điều hành hoạt động của các cơ quan giúp việc Hội đồng quản trị;
 - h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ ACV.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc các trường hợp khác cần phải thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này và quy định tại Khoản 4 Điều 34 Điều lệ ACV;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Vi phạm quy định của pháp luật đến mức bị truy tố;
- b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Trường hợp khác quy định của pháp luật.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện nêu trên;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ ACV. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ ACV. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ ACV.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, ACV phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của ACV để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của ACV nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới ACV và các bên có liên quan của ACV;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ ACV;
- f) Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý ACV, có toàn quyền nhân danh ACV để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của ACV, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật có liên quan, Điều lệ ACV và Đại hội đồng cổ đông quy định.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc fax. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ ACV gây thiệt hại cho ACV thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho ACV; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của ACV có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa ACV với một trong các đối tượng sau, trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm c khoản 3 Điều 56 Điều lệ ACV:¹
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của ACV và những người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện ACV ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

¹ Nội dung bổ sung, để đảm bảo phù hợp và tương đồng với Khoản 4 Điều 56 Điều lệ.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của ACV;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ ACV.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ ACV hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d, điểm e khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng, nhân sự thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ ACV, Quy chế nội bộ về quản trị ACV.

3. Đối với các nội dung phải được thẩm định, thẩm tra theo quy định của pháp luật, quy chế nội bộ của ACV trước khi trình Hội đồng quản trị xem xét, thông qua hoặc các nội dung quan trọng khác khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thuê tổ chức, cá nhân có đủ năng lực theo quy định hoặc sử dụng các Ban chuyên môn nghiệp vụ, cơ quan giúp việc của ACV để thực hiện việc thẩm định, thẩm tra theo quy định hoặc sử dụng kết quả thẩm định, thẩm tra của các cơ quan giúp việc đã thực hiện để xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị của ACV. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của ACV hoặc ở nơi khác (nếu thấy cần thiết).

3. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác do Hội đồng quản trị quyết định theo quy định của pháp luật.

5. Đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ họ tên, chức danh người đề nghị, mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với ACV;

người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi thông báo vắng mặt và thông báo này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của từng thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử khác và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại ACV.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Các cơ quan trình Hội đồng quản trị để xem xét, phê duyệt các nội dung theo thẩm quyền chịu trách nhiệm đảm bảo đầy đủ hồ sơ, căn cứ pháp lý và điều kiện để Hội đồng quản trị phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

10. Sau khi nhận được thông báo mời họp và tài liệu họp, các thành viên Hội đồng quản trị căn cứ nhiệm vụ được Hội đồng quản trị phân công có trách nhiệm xem xét, chỉ đạo các cơ quan có liên quan báo cáo, làm rõ các nội dung đã được phân công để thẩm định và nêu ý kiến của mình tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

11. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

12. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Ký tên vào biên bản cuộc họp.

13. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

14. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức trực tuyến. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được xem là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định tại khoản này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

15. Thành phần dự họp Hội đồng quản trị bao gồm:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, đại diện Ban Điều hành, Người phụ trách quản trị công ty.

b) Đại diện lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc ACV theo thông báo triệu tập họp của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị. Việc mời các cá nhân là người ngoài ACV dự họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.

c) Tổng Giám đốc chỉ đạo các Phó Tổng Giám đốc, lãnh đạo các cơ quan giúp việc của mình dự họp và thay mặt báo cáo, giải trình trước Hội đồng quản trị.

d) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp quyết định thành phần dự họp.

Các cá nhân, đại diện cơ quan, đơn vị được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết.

16. Vì lý do đột xuất, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, phân công có trách nhiệm thông báo đến từng thành viên Hội đồng quản trị, cá nhân liên quan về việc hoãn họp, thay đổi thời gian và các nội dung liên quan.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa, các thành viên Hội đồng quản trị và thư ký cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, các thành viên Hội đồng quản trị, thư ký cuộc họp và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của ACV theo quy định.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài (nếu có) có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 17. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).

Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị có giá trị pháp lý kể từ ngày được thông qua hoặc phê duyệt, trừ trường hợp các vấn đề phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận theo quy định tại Điều lệ ACV.

3. Trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định về một vấn đề thì nghị quyết, quyết định được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành bằng văn bản của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản được thực hiện theo quy định như sau:

a) Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị;

b) Theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thư ký hoặc bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tận tay hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị;

c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính;
- Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Hồ sơ kèm theo;
- Nội dung lấy ý kiến;
- Ý kiến biểu quyết, bao gồm: Chấp thuận, Không chấp thuận và Không có ý kiến;
- Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về ACV;
- Họ và tên, chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị;

d) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và được gửi về ACV;

e) Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát tối thiểu của một thành viên hay người quản lý ACV (đại diện Ban Tổng Giám đốc hoặc Văn phòng Tổng công ty). Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính;
- Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Nội dung lấy ý kiến;
- Kết quả lấy ý kiến;
- Kết luận nội dung thông qua;
- Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị; người thực hiện giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu;

f) Các thành viên tham gia vào việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu hoặc các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực hoặc không chính xác;

g) Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua

và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu trữ tại trụ sở chính ACV.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của ACV;
- b) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của ACV;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành ACV của Tổng Giám đốc;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của ACV chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của ACV liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của ACV theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của ACV và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được ACV mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ ACV.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của ACV đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về ACV.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ ACV và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan.

Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của ACV.
2. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định và văn bản khác của Hội đồng quản trị thông qua các hình thức báo cáo và công tác thực tế tại các đơn vị của ACV.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham dự các cuộc họp giao ban hoặc cuộc họp chuẩn bị nội dung trình Hội đồng quản trị do Tổng Giám đốc chủ trì.
4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của ACV.
5. Tổng Giám đốc hoặc người được ủy quyền có trách nhiệm cung cấp thông tin; báo cáo, đề xuất ý kiến về các nội dung được Hội đồng quản trị phân công, phân cấp theo Điều lệ ACV, các quy chế, quy định và văn bản do Hội đồng quản trị ban hành.
6. Tổng Giám đốc được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp bất khả kháng, khẩn cấp (như thiên tai, hỏa hoạn hay sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị, nghị quyết, quyết định, biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
3. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và xem xét chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân thuộc ACV chịu trách nhiệm thi hành quy chế này.

3. Những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị nhưng chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc những quy định mới của pháp luật có liên quan khác những nội dung Quy chế này thì sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP quyết định theo Điều lệ ACV và pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
QUYỀN CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị của
Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn có liên quan;
- Điều lệ Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP (ACV);
- Quyết định số 179/QĐ-BTC ngày 12/02/2026 của Bộ Tài chính về công tác cán bộ;
- Văn bản số 1888/BTC-TCCB ngày 12/02/2026 của Bộ Tài chính về công tác cán bộ;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua nội dung như sau:

- Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP đối với ông Vũ Thế Phiệt và ông Nguyễn Tiến Việt do vi phạm quy định của pháp luật, đã bị cơ quan chức năng khởi tố, bắt tạm giam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua số lượng Thành viên Hội đồng quản trị và
Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty
Cảng hàng không Việt Nam - CTCP**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn có liên quan;
- Điều lệ Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP (ACV);
- Quyết định số 1429/QĐ-BTC ngày 10/6/2026 của Bộ Tài chính về việc cử người đại diện phần vốn nhà nước tại ACV;
- Văn bản số 7842/BTC-TCCB ngày 10/6/2026 của Bộ Tài chính về công tác cán bộ.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua nội dung như sau:

1. Thông qua số lượng Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP: 05 Thành viên.
2. Bầu bổ sung 01 Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP như sau:

Thông tin ứng cử viên:

Họ và tên: NGUYỄN CAO CƯỜNG

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 06/11/1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.

(Đính kèm sơ yếu lý lịch của ứng viên)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.



SƠ YẾU LÝ LỊCH (CURRICULUM VITAE)

- Họ và tên (Name): Nguyễn Cao Cường
- Giới tính: Nam Nữ
(Gender): (Male) (Female)
- Ngày sinh (Date of birth): 06/11/1976
- Quốc tịch (Nationality): Việt Nam
- Trình độ văn hoá (Education): 12/12
- Trình độ chuyên môn (ghi rõ trường, năm tốt nghiệp trường, chuyên ngành):
(Professional qualifications — include college/university, graduation year, majors')
 - Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, tốt nghiệp năm 2001, chuyên ngành Cử nhân Tài chính ngân hàng.
- Quá trình công tác (nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua từ năm 18 tuổi):
(Employment history - include name and location of companies, job titles from the age of 18)
 - Từ tháng 01/1996 đến tháng 5/1999: Nhân viên phòng Tài chính kế toán, Văn phòng khu vực miền Nam.
 - Từ tháng 05/1999 đến tháng 11/2005: Nhân viên, Trung tâm kiểm soát khai thác TSN.
 - Từ tháng 11/2005 đến tháng 08/2008: Cán sự, chuyên viên phòng tổng hợp, Văn phòng Đối ngoại.
 - Từ tháng 08/2008 đến tháng 11/2008: Chuyên viên, Văn phòng khu vực miền Nam.
 - Từ tháng 12/2008 đến tháng 11/2011: Đội phó Đội Bán và phục vụ hàng hóa quốc nội Phòng Thương mại hàng hóa, Văn phòng khu vực miền Nam.
 - Từ tháng 12/2011 đến tháng 07/2012: Đội trưởng Đội Bán và phục vụ hàng hóa quốc nội, Phòng Thương mại hàng hóa, Văn phòng khu vực miền Nam.
 - Từ tháng 08/2012 đến tháng 04/2016: Phó Bí thư chi bộ, Phó phòng Thương mại Hàng hóa Chi nhánh miền Nam.
 - Từ tháng 04/2016 đến tháng 08/2017: Bí thư Đảng ủy, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất.
 - Từ tháng 08/2017 đến tháng 07/2020: Bí thư Đảng ủy, Tổng Giám đốc Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất.
 - Từ tháng 08/2020 đến tháng 04/2022: Ủy viên BCH Đảng bộ TCT Hàng



không Việt Nam, Bí thư Đảng ủy, Tổng Giám đốc Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất

- Từ tháng 05/2022 đến tháng 7/2023: Ủy viên BCH Đảng bộ TCT Hàng không Việt Nam, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ và Khai thác sân bay, Tổng công ty Hàng không Việt Nam.
- Từ tháng 08/2023 đến nay: Ủy viên BCH Đảng bộ TCT Cảng hàng không Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP

8. Chức vụ công tác hiện nay (*Current position*): Ủy viên BCH Đảng bộ TCT Cảng hàng không Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP

9. Số lượng cổ phiếu được ủy quyền và/hoặc nắm giữ: 1.608.580.145 cổ phiếu.

(*Number of authorized/ possessed shares*)

10. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới ACV của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có):

Người đại diện vốn của ACV tại SAGS, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty SAGS.

Tôi xin cam kết về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố tại Bản sơ yếu lý lịch này. Nếu sai, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

(*I hereby undertake that the above statements are true. I will take full responsibility for them under the law.*)

XÁC NHẬN*

(*Attestation of Competent Authority*)



Nguyễn Thị Đỗ Quyên

TP.HCM, ngày 17 tháng 06 năm 2026

[place], [dd/mm/yy]

Người khai (Declarant)

Nguyễn Cao Cường

* Ghi chú (Note):

Sơ yếu lý lịch này phải được Thủ trưởng cơ quan (nếu cá nhân đang làm việc tại cơ quan, tổ chức), hoặc Ủy ban nhân dân xã/ phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu cá nhân không làm việc tại cơ quan, tổ chức) xác nhận.

This curriculum vitae shall be certified by the Head of company/ organization where the declarant is working or Commune-level People's Committee where the declarant registers permanent residence (if the declarant is not working for the company/ organization).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN CAM KẾT

Của Ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP

Tên tôi là: Nguyễn Cao Cường

CC/Hộ chiếu số: 079076011179

Cấp ngày: 07/05/2026 Nơi cấp: Bộ Công An

Địa chỉ thường trú: B96 Bạch Đằng, khu phố 14, phường Tân Sơn Hòa, Tp Hồ Chí Minh

Được đề cử bởi cổ đông: Bộ Tài chính

Với vai trò là ứng cử viên vị trí thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP năm 2026, tôi xin cam đoan các thông tin đã cung cấp trong hồ sơ ứng cử là trung thực và chính xác.

Nếu trúng cử vào Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP, tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành và cần trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Tp. HCM, ngày 17 tháng 06 năm 2026

Ứng cử viên

Nguyễn Cao Cường